

DANH SÁCH HỌC SINH TRONG PHÒNG THI

TTL	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Số báo danh	Phòng thi
1	Nguyễn Mai Anh	31/05/2011	10A1	25000665	P16
2	Nguyễn Quang Anh	09/09/2011	10A1	25000668	P16
3	Nguyễn Ngọc Ánh	16/09/2011	10A1	25000684	P16
4	Hồ Linh Chi	30/07/2011	10A1	25000695	P16
5	Nguyễn Văn Chiến	03/11/2011	10A1	25000700	P16
6	Bùi Ngọc Diệp	18/01/2011	10A1	25000703	P17
7	Nguyễn Ngọc Diệp	25/06/2011	10A1	25000708	P17
8	Vũ Thị Thuỳ Dương	02/01/2011	10A1	25000721	P17
9	Hoàng Phạm Nhuệ Giang	09/05/2011	10A1	25000738	P17
10	Nguyễn Thu Hà	30/06/2011	10A1	25000744	P17
11	Nguyễn Đăng Hiền	15/08/2011	10A1	25000768	P18
12	Nguyễn Trung Hiếu	27/01/2011	10A1	25000771	P18
13	Phạm Thị Bích Hồng	21/10/2011	10A1	25000786	P18
14	Vũ Khánh Huyền	17/10/2011	10A1	25000796	P19
15	Nguyễn Ngọc Thiên Hương	13/11/2011	10A1	25000799	P19
16	Vũ Thị Quỳnh Hương	19/01/2011	10A1	25000803	P19
17	Lê Ngọc Khánh	08/03/2011	10A1	25000809	P19
18	Lê Khoa	03/11/2011	10A1	25000821	P19
19	Nguyễn Anh Khoa	07/08/2011	10A1	25000824	P19
20	Phạm Trần Tuệ Lâm	28/08/2011	10A1	25000835	P20
21	Vũ Thị Bích Lâm	31/03/2011	10A1	25000840	P20
22	Bùi Thùy Linh	11/03/2011	10A1	25000847	P20
23	Doãn Diệu Linh	12/02/2011	10A1	25000850	P20
24	Đỗ Khánh Linh	21/02/2011	10A1	25000853	P20
25	Hoàng Phương Linh	12/07/2011	10A1	25000856	P20
26	Nguyễn Ngọc Linh	21/04/2011	10A1	25000862	P20
27	Vương Ngọc Linh	01/04/2011	10A1	25000879	P21
28	Vương Thị Hoàng Linh	08/03/2011	10A1	25000882	P21
29	Nguyễn Thị Khánh Ly	28/02/2011	10A1	25000884	P21
30	Đặng Hữu Mai	11/12/2011	10A1	25000891	P21
31	Chu Tuấn Minh	11/01/2011	10A1	25000897	P21
32	Nguyễn Thị Phương Nga	22/10/2011	10A1	25000917	P21
33	Nguyễn Thị Kim Ngân	05/04/2011	10A1	25000925	P22
34	Hoàng Hải Ngọc	27/01/2011	10A1	25000927	P22
35	Nguyễn Bảo Ngọc	02/10/2011	10A1	25000934	P22
36	Trần Ngọc Thảo Nguyên	20/01/2011	10A1	25000940	P22
37	Đỗ Quyên	26/11/2011	10A1	25000980	P23
38	Hà Thanh Thảo	19/03/2011	10A1	25000998	P23
39	Nguyễn Phương Uyên	27/05/2011	10A1	25001023	P24
40	Lê Trần Khánh Vi	22/01/2011	10A1	25001026	P24
41	Hoàng Quốc Việt	13/09/2011	10A1	25001029	P24
42	Nguyễn Thị Hà Vy	07/05/2011	10A1	25001032	P24
43	Dương Hải Yến	03/11/2011	10A1	25001041	P24
44	Đỗ Hải Yến	20/10/2011	10A1	25001043	P24
45	Trần Thị Hải Yến	19/09/2011	10A1	25001048	P24

DANH SÁCH HỌC SINH TRONG PHÒNG THI

TTL	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Số báo danh	Phòng thi
1	Bùi Đăng Đức Anh	09/09/2011	10A2	25000660	P16
2	Vũ Phạm Quỳnh Anh	15/02/2011	10A2	25000681	P16
3	Nguyễn Huyền Diệp	25/04/2011	10A2	25000706	P17
4	Đào Thị Thùy Dương	05/01/2011	10A2	25000715	P17
5	Trần Thị Ánh Dương	09/01/2011	10A2	25000718	P17
6	Nguyễn Đình Đạt	28/10/2011	10A2	25000724	P17
7	Hoàng Hải Đăng	04/06/2011	10A2	25000727	P17
8	Trần Trung Đức	04/01/2011	10A2	25000736	P17
9	Vũ Thị Hà	14/03/2011	10A2	25000747	P18
10	Doãn Gia Hân	22/02/2011	10A2	25000755	P18
11	Hà Thị Ngọc Hân	17/12/2011	10A2	25000759	P18
12	Nguyễn Hoàng Gia Hân	04/08/2011	10A2	25000762	P18
13	Bùi Thị Thanh Hiền	24/06/2011	10A2	25000765	P18
14	Uông Xuân Hiếu	25/01/2011	10A2	25000774	P18
15	Vũ Thùy Khánh Hòa	09/03/2011	10A2	25000777	P18
16	Nguyễn Minh Huân	12/01/2011	10A2	25000788	P18
17	Trần Thị Thu Huệ	18/12/2011	10A2	25000791	P19
18	Phạm Minh Khánh	30/05/2011	10A2	25000815	P19
19	Trần Lê Duy Khánh	24/02/2011	10A2	25000818	P19
20	Vũ Đình Khôi	02/08/2011	10A2	25000826	P19
21	Cao An Kỳ	16/04/2011	10A2	25000832	P19
22	Nguyễn Gia Linh	21/03/2011	10A2	25000859	P20
23	Nguyễn Ngọc Linh	16/05/2011	10A2	25000865	P20
24	Phạm Thị Thùy Linh	23/12/2011	10A2	25000870	P20
25	Trần Thị Diệu Linh	06/02/2011	10A2	25000874	P20
26	Vũ Thị Cẩm Linh	13/11/2011	10A2	25000876	P20
27	Nguyễn Thị Tuyết Mai	05/07/2011	10A2	25000894	P21
28	Phạm Thị Trà My	27/12/2011	10A2	25000906	P21
29	Quách Trà My	03/10/2011	10A2	25000909	P21
30	Trần Hải Nam	11/03/2011	10A2	25000914	P21
31	Phạm Phương Nga	28/02/2011	10A2	25000922	P22
32	Bùi Gia Nhi	22/01/2011	10A2	25000943	P22
33	Bùi Thị Ánh Như	25/08/2011	10A2	25000949	P22
34	Phan Thị Kiều Oanh	07/10/2011	10A2	25000955	P22
35	Bùi Mai Phương	11/11/2011	10A2	25000965	P23
36	Quách Mai Phương	10/02/2011	10A2	25000970	P23
37	Nguyễn Duy Quang	13/11/2011	10A2	25000973	P23
38	Phạm Văn Hải Quân	28/06/2011	10A2	25000977	P23
39	Vũ Nhật Quỳnh	07/08/2011	10A2	25000983	P23
40	Nguyễn Đình Tài	08/05/2011	10A2	25000986	P23
41	Trần Đức Tài	07/05/2011	10A2	25000989	P23
42	Trần Kim Thành	21/02/2011	10A2	25000995	P23
43	Nguyễn Thị Anh Thư	29/12/2011	10A2	25001003	P23
44	Phạm Anh Thư	06/01/2011	10A2	25001005	P23
45	Tổng Phan Quỳnh Trang	12/02/2011	10A2	25001016	P24

DANH SÁCH HỌC SINH TRONG PHÒNG THI

TTL	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Số báo danh	Phòng thi
1	Nguyễn Đức Anh	15/05/2011	10A3	25000663	P16
2	Nguyễn Thị Phương Anh	18/05/2011	10A3	25000672	P16
3	Phạm Hoài Anh	23/08/2011	10A3	25000675	P16
4	Phạm Quỳnh Anh	11/07/2011	10A3	25000678	P16
5	Nguyễn Diệp Bích	08/01/2011	10A3	25000687	P16
6	Đinh Chu Vi Bình	05/10/2011	10A3	25000690	P16
7	Vũ An Bình	31/10/2011	10A3	25000693	P16
8	Vũ Mai Chi	17/03/2011	10A3	25000698	P16
9	Trần Quang Dũng	29/04/2011	10A3	25000711	P17
10	Nguyễn Hải Đăng	17/06/2011	10A3	25000730	P17
11	Nguyễn Đức Anh Đức	30/03/2011	10A3	25000733	P17
12	Lưu Hương Giang	17/06/2011	10A3	25000742	P17
13	Nguyễn Thị Minh Hằng	21/08/2011	10A3	25000750	P18
14	Phạm Thanh Hằng	23/12/2011	10A3	25000752	P18
15	Bùi Huy Hoàng	09/05/2011	10A3	25000780	P18
16	Nguyễn Huy Hoàng	03/08/2011	10A3	25000782	P18
17	Nguyễn Vũ Khánh Huyền	14/01/2011	10A3	25000794	P19
18	Phạm Tuấn Khang	24/06/2011	10A3	25000806	P19
19	Nguyễn Quốc Khánh	01/09/2011	10A3	25000812	P19
20	Nguyễn Tuấn Kiệt	17/03/2011	10A3	25000830	P19
21	Trương Tùng Lâm	10/01/2011	10A3	25000838	P20
22	Bùi Gia Linh	18/10/2011	10A3	25000843	P20
23	Nguyễn Thị Thùy Linh	26/03/2011	10A3	25000868	P20
24	Vũ Khánh Ly	22/06/2011	10A3	25000887	P21
25	Hoàng Phương My	12/01/2011	10A3	25000900	P21
26	Nguyễn Trà My	03/07/2011	10A3	25000903	P21
27	Hoàng Việt Nam	05/01/2011	10A3	25000912	P21
28	Nguyễn Thị Việt Nga	31/05/2011	10A3	25000919	P21
29	Lê Bảo Ngọc	13/08/2011	10A3	25000930	P22
30	Quách Bảo Ngọc	23/10/2011	10A3	25000937	P22
31	Trần Nguyễn Vân Nhi	01/08/2011	10A3	25000946	P22
32	Nguyễn Văn Anh Ninh	24/08/2011	10A3	25000952	P22
33	Phạm Đình Phong	17/06/2011	10A3	25000957	P22
34	Nguyễn Hoàng An Phú	08/05/2011	10A3	25000960	P22
35	Bùi Hà Phương	10/11/2011	10A3	25000962	P22
36	Lê Thị Minh Phương	01/01/2011	10A3	25000968	P23
37	Ngô Tuệ Tâm	13/09/2011	10A3	25000992	P23
38	Nguyễn Phương Thảo	23/05/2011	10A3	25001000	P23
39	Trần Đình Quang Tiến	03/08/2011	10A3	25001008	P24
40	Lê Đặng Quỳnh Trang	23/12/2011	10A3	25001011	P24
41	Phạm Thu Trang	05/09/2011	10A3	25001013	P24
42	Vũ Thị Huyền Trang	07/12/2011	10A3	25001020	P24
43	Trần Thị Hà Vy	22/07/2011	10A3	25001035	P24
44	Vũ Thị Thanh Xuân	31/05/2011	10A3	25001038	P24
45	Nghiêm Hải Yến	20/06/2011	10A3	25001046	P24

DANH SÁCH HỌC SINH TRONG PHÒNG THI

TTL	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Số báo danh	Phòng thi
1	Bùi Văn Đức Anh	25/01/2011	10A4	25001051	P26
2	Nguyễn Phương Anh	07/04/2011	10A4	25001054	P26
3	Nguyễn Thị Lan Anh	28/04/2011	10A4	25001056	P26
4	Nguyễn Việt Anh	02/02/2011	10A4	25001059	P26
5	Trần Nguyễn Phương Anh	26/09/2011	10A4	25001063	P26
6	Vũ Thị Quỳnh Anh	01/10/2011	10A4	25001066	P26
7	Lê Thị Ngọc Ánh	23/02/2011	10A4	25001069	P26
8	Bùi Gia Bảo	27/06/2011	10A4	25001072	P26
9	Nguyễn Thị Chà	28/06/2011	10A4	25001075	P26
10	Tổng Nguyễn Lệ Chi	01/11/2011	10A4	25001078	P26
11	Nguyễn Thành Công	02/06/2011	10A4	25001081	P26
12	Trần Mạnh Dũng	10/03/2011	10A4	25001084	P26
13	Hoàng Văn Đáng	12/01/2011	10A4	25001086	P26
14	Nguyễn Trí Hiếu	21/06/2011	10A4	25001089	P26
15	Nguyễn Xuân Hòa	07/04/2011	10A4	25001091	P26
16	Trần Vũ Hoàng	20/09/2011	10A4	25001094	P27
17	Hoàng Gia Huy	22/04/2011	10A4	25001097	P27
18	Phạm Hà Khánh Huyền	20/07/2011	10A4	25001099	P27
19	Lê Khánh Hường	04/02/2011	10A4	25001102	P27
20	Đặng Nam Khánh	14/08/2011	10A4	25001106	P27
21	Nguyễn Duy Khánh	03/07/2011	10A4	25001109	P27
22	Nguyễn Duy Khoa	05/10/2011	10A4	25001112	P27
23	Nguyễn Minh Khôi	23/08/2011	10A4	25001115	P27
24	Mai Thị Phương Lan	02/02/2011	10A4	25001118	P27
25	Phan Thanh Lâm	26/10/2011	10A4	25001121	P27
26	Trần Phạm Thùy Linh	14/07/2011	10A4	25001124	P27
27	Lê Thanh Mai	27/09/2011	10A4	25001127	P27
28	Bùi Bảo Nam	07/10/2011	10A4	25001129	P27
29	Nguyễn Hải Nam	07/05/2011	10A4	25001132	P27
30	Đỗ Quỳnh Nga	01/06/2011	10A4	25001134	P27
31	Uông Bảo Ngọc	19/02/2011	10A4	25001135	P28
32	Nguyễn Thị Tuyết Nhi	02/01/2011	10A4	25001138	P28
33	Đào Phạm Tố Như	26/01/2011	10A4	25001141	P28
34	Phạm Thị Hải Ninh	27/10/2011	10A4	25001144	P28
35	Nguyễn Trần Thiên Phú	27/12/2011	10A4	25001147	P28
36	Nguyễn Hoàng Minh Phương	04/10/2011	10A4	25001150	P28
37	Nguyễn Thị Thảo	23/09/2011	10A4	25001154	P28
38	Lưu Đình Trường Thịnh	24/06/2011	10A4	25001156	P28
39	Lưu Đức Tiến	04/06/2011	10A4	25001159	P28
40	Vũ Trường Toàn	02/10/2011	10A4	25001162	P28
41	Lê Thị Thùy Trang	12/06/2011	10A4	25001165	P28
42	Nguyễn Minh Trí	19/01/2011	10A4	25001168	P28
43	Bùi Đức Trọng	18/11/2011	10A4	25001171	P28
44	Bùi Trần Yến Vy	12/09/2011	10A4	25001174	P28

DANH SÁCH HỌC SINH TRONG PHÒNG THI

TTL	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Số báo danh	Phòng thi
1	Đồng Thị Kim Anh	16/01/2011	10A5	25001179	P29
2	Quách Phương Anh	28/09/2011	10A5	25001182	P29
3	Vũ Ngọc Ánh	16/10/2011	10A5	25001184	P29
4	Hoàng Gia Bảo	25/07/2011	10A5	25001187	P29
5	Nguyễn Đồng Gia Bảo	22/07/2011	10A5	25001191	P29
6	Vũ Ngọc Gia Bảo	23/08/2011	10A5	25001194	P29
7	Quách Thị Thanh Bình	27/01/2011	10A5	25001197	P29
8	Bùi Đăng Cầm	09/12/2011	10A5	25001200	P29
9	Lê Văn Chương	13/04/2011	10A5	25001203	P29
10	Doãn Trung Công	13/07/2011	10A5	25001206	P29
11	Nguyễn Thị Thu Cúc	03/11/2011	10A5	25001209	P29
12	Đào Ngọc Diệp	14/08/2011	10A5	25001212	P29
13	Mai Ngọc Diệp	12/12/2011	10A5	25001214	P29
14	Nguyễn Thị Thùy Dung	02/09/2011	10A5	25001217	P29
15	Nguyễn Mạnh Dũng	18/01/2011	10A5	25001219	P29
16	Bùi Hải Dương	26/09/2011	10A5	25001222	P30
17	Trần Thùy Dương	11/10/2011	10A5	25001225	P30
18	Trần Tiến Đạt	12/09/2011	10A5	25001227	P30
19	Phạm Hải Đăng	18/02/2011	10A5	25001230	P30
20	Tạ Quang Đăng	04/10/2011	10A5	25001234	P30
21	Nguyễn Huy Đức	31/03/2011	10A5	25001237	P30
22	Trần Quang Đức	05/02/2011	10A5	25001240	P30
23	Bùi Hương Giang	11/11/2011	10A5	25001243	P30
24	Hoàng Thị Thu Hoà	22/06/2011	10A5	25001246	P30
25	Trần Đăng Huy	22/08/2011	10A5	25001249	P30
26	Lưu Thị Khánh Huyền	08/01/2011	10A5	25001252	P30
27	Nguyễn Thu Huyền	03/09/2011	10A5	25001255	P30
28	Vũ Thị Cẩm Ly	01/12/2011	10A5	25001257	P30
29	Đỗ Đức Nam	26/09/2011	10A5	25001260	P30
30	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	02/05/2011	10A5	25001262	P30
31	Doãn Hoàng Yến Nhi	12/01/2011	10A5	25001263	P31
32	Nguyễn Thị Yến Nhi	22/04/2011	10A5	25001266	P31
33	Bùi Hồng Nhung	04/07/2011	10A5	25001269	P31
34	Nguyễn Đình Phúc	20/03/2011	10A5	25001272	P31
35	Nguyễn Thị Yên Tâm	06/02/2011	10A5	25001275	P31
36	Trần Thanh Tâm	07/11/2011	10A5	25001278	P31
37	Đỗ Chí Thanh	14/05/2011	10A5	25001282	P31
38	Nguyễn Phương Thanh	30/09/2011	10A5	25001284	P31
39	Tổng Lan Thanh	09/08/2011	10A5	25001287	P31
40	Trần Hoàng Minh Thư	16/08/2011	10A5	25001290	P31
41	Nguyễn Dương Thủy Tiên	10/09/2011	10A5	25001293	P31
42	Hoàng Quang Trung	16/03/2011	10A5	25001296	P31
43	Trương Công Tú	20/12/2011	10A5	25001299	P31
44	Hoàng Mạnh Tùng	15/10/2011	10A5	25001302	P31
45	Trần Hoàng Vũ	20/10/2011	10A5	25001304	P31

DANH SÁCH HỌC SINH TRONG PHÒNG THI

TTL	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Số báo danh	Phòng thi
1	Nguyễn Phương Anh	04/08/2011	10C1	25000006	P1
2	Vũ Hà Trâm Anh	06/01/2011	10C1	25000011	P1
3	Vũ Trọng Bằng	02/04/2011	10C1	25000018	P1
4	Kiều Thanh Bình	28/08/2011	10C1	25000024	P1
5	Trần Thị Mai Chi	13/07/2011	10C1	25000038	P1
6	Nguyễn Quốc Cường	01/03/2011	10C1	25000045	P1
7	Bùi Ngọc Diệp	31/05/2011	10C1	25000051	P2
8	Nguyễn Kiều Dung	09/10/2011	10C1	25000053	P2
9	Lê Nguyễn Đức Dũng	31/05/2011	10C1	25000056	P2
10	Vũ Tiến Dũng	19/05/2011	10C1	25000060	P2
11	Lê Đăng Dương	23/09/2011	10C1	25000072	P2
12	Lê Ngọc Ánh Dương	16/08/2011	10C1	25000075	P2
13	Nguyễn Thuỳ Dương	16/07/2011	10C1	25000078	P2
14	Bùi Hương Giang	13/01/2011	10C1	25000096	P3
15	Bùi Vân Hà	13/01/2011	10C1	25000098	P3
16	Đặng Thị Thu Hà	07/07/2011	10C1	25000101	P3
17	Nguyễn Ngọc Hà	18/06/2011	10C1	25000108	P3
18	Phí Ngọc Hà	09/12/2011	10C1	25000111	P3
19	Doãn Hoàng Trung Hải	29/06/2011	10C1	25000114	P3
20	Nguyễn Nguyên Hòa	12/07/2011	10C1	25000123	P3
21	Nguyễn Công Hoan	06/09/2011	10C1	25000126	P3
22	Ngô Khánh Huy	08/12/2011	10C1	25000128	P3
23	Trần Việt Hưng	09/09/2011	10C1	25000135	P3
24	Hoàng Thu Hương	26/07/2011	10C1	25000138	P4
25	Doãn Như Ngọc Khánh	20/10/2011	10C1	25000141	P4
26	Hoàng Trọng Khoa	22/04/2011	10C1	25000143	P4
27	Vũ Thị Hà Liên	26/08/2011	10C1	25000159	P4
28	Bùi Yến Linh	01/09/2011	10C1	25000162	P4
29	Trần Bảo Linh	19/08/2011	10C1	25000168	P4
30	Trần Bùi Thái Ly	17/04/2011	10C1	25000171	P4
31	Quách Phương Mai	10/08/2011	10C1	25000178	P4
32	Nguyễn Đình Nhật Minh	18/04/2011	10C1	25000183	P5
33	Nguyễn Gia Minh	05/06/2011	10C1	25000186	P5
34	Trần Nhật Minh	02/07/2011	10C1	25000188	P5
35	Nguyễn Tất Kim Ngân	19/01/2011	10C1	25000195	P5
36	Hoàng Thái Nguyên	30/01/2011	10C1	25000198	P5
37	Doãn Hải Phong	24/01/2011	10C1	25000213	P5
38	Vũ Giang Phong	09/01/2011	10C1	25000216	P5
39	Hoàng Thuý Quyên	18/05/2011	10C1	25000225	P5
40	Đặng Thị Thu Quỳnh	17/10/2011	10C1	25000228	P6
41	Lê Nguyễn Minh Sơn	28/09/2011	10C1	25000233	P6
42	Nguyễn Minh Thư	05/11/2011	10C1	25000243	P6
43	Nguyễn Thị Minh Thư	26/11/2011	10C1	25000246	P6
44	Hoàng Ngọc Trang	23/09/2011	10C1	25000249	P6
45	Hoàng Thanh Tùng	10/07/2011	10C1	25000261	P6

DANH SÁCH HỌC SINH TRONG PHÒNG THI

TTL	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Số báo danh	Phòng thi
1	Vũ Phúc An	20/07/2011	10C2	25000003	P1
2	Trần Duy Việt Anh	24/08/2011	10C2	25000008	P1
3	Nguyễn Gia Bảo	01/06/2011	10C2	25000015	P1
4	Hoàng Ngọc Bích	21/11/2011	10C2	25000021	P1
5	Nguyễn Phú Bình	13/09/2011	10C2	25000027	P1
6	Nguyễn Thái Bình	18/06/2011	10C2	25000030	P1
7	Nguyễn Thanh Bình	15/09/2011	10C2	25000033	P1
8	Nguyễn Thanh Bình	23/09/2011	10C2	25000036	P1
9	Vũ Tuấn Chiêu	19/02/2011	10C2	25000043	P1
10	Trần Đức Mạnh Cường	23/05/2011	10C2	25000048	P2
11	Phạm Hải Duy	18/12/2011	10C2	25000063	P2
12	Phạm Phúc Duy	20/04/2011	10C2	25000066	P2
13	Hoàng Ánh Dương	02/07/2011	10C2	25000069	P2
14	Bùi Đăng Thành Đạt	14/05/2011	10C2	25000081	P2
15	Nguyễn Tiến Đạt	14/08/2011	10C2	25000083	P2
16	Nguyễn Công Sơn Đông	25/03/2011	10C2	25000088	P2
17	Nguyễn Mạnh Đức	12/11/2011	10C2	25000090	P2
18	Trần Minh Đức	20/04/2011	10C2	25000093	P3
19	Hoàng Thị Minh Hà	14/01/2011	10C2	25000105	P3
20	Đặng Nam Hải	11/11/2011	10C2	25000117	P3
21	Vũ Hoàng Hiệp	15/08/2011	10C2	25000120	P3
22	Nguyễn Quang Huy	22/12/2011	10C2	25000133	P3
23	Ngô Đức Khoa	04/11/2011	10C2	25000146	P4
24	Trần Bùi Kiên	24/06/2011	10C2	25000150	P4
25	Đỗ Ngọc Lan	05/02/2011	10C2	25000153	P4
26	Bùi Vũ Tùng Lâm	06/01/2011	10C2	25000156	P4
27	Phạm Kiều Linh	26/05/2011	10C2	25000165	P4
28	Trần Thị Khánh Ly	06/03/2011	10C2	25000173	P4
29	Nguyễn Đức Mạnh	04/11/2011	10C2	25000180	P4
30	Trần Tuấn Minh	08/02/2011	10C2	25000191	P5
31	Trần Thảo Nguyên	10/09/2011	10C2	25000201	P5
32	Đặng Ngọc Yến Nhi	23/07/2011	10C2	25000204	P5
33	Bùi Thiện Phách	14/02/2011	10C2	25000207	P5
34	Bùi Xuân Phát	22/12/2011	10C2	25000210	P5
35	Lương Gia Phú	17/07/2011	10C2	25000218	P5
36	Nguyễn Hà Phương	08/05/2011	10C2	25000223	P5
37	Phạm Ngọc Quỳnh	03/07/2011	10C2	25000231	P6
38	Phạm Long Thành	30/01/2011	10C2	25000236	P6
39	Nguyễn Đình Thiện	26/09/2011	10C2	25000240	P6
40	Nguyễn Quỳnh Trang	09/10/2011	10C2	25000252	P6
41	Phí Thị Mai Trang	10/05/2011	10C2	25000255	P6
42	Phạm Văn Trường	26/09/2011	10C2	25000258	P6
43	Nguyễn Đức Vinh	10/01/2011	10C2	25000263	P6
44	Trần Đỗ Tường Vy	24/04/2011	10C2	25000268	P6
45	Nguyễn Hải Yến	14/11/2011	10C2	25000270	P6

DANH SÁCH HỌC SINH TRONG PHÒNG THI

TTL	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Số báo danh	Phòng thi
1	Lê Thế An	05/07/2011	10C3	25000273	P7
2	Nguyễn Phú An	18/09/2011	10C3	25000276	P7
3	Bùi Tuấn Anh	30/05/2011	10C3	25000285	P7
4	Cao Hải Anh	06/03/2011	10C3	25000288	P7
5	Lê Ngọc Thế Anh	25/08/2011	10C3	25000291	P7
6	Nguyễn Phạm Quỳnh Anh	22/07/2011	10C3	25000294	P7
7	Nguyễn Quốc Anh	05/01/2011	10C3	25000297	P7
8	Phan Việt Anh	11/11/2011	10C3	25000306	P7
9	Nguyễn Công Bảo	17/06/2011	10C3	25000311	P7
10	Quách Đăng Dũng	04/09/2011	10C3	25000340	P8
11	Trần Đoàn Minh Dũng	19/01/2011	10C3	25000343	P8
12	Vương Thế Duyệt	02/10/2011	10C3	25000367	P9
13	Nguyễn Thùy Dương	19/07/2011	10C3	25000374	P9
14	Trần Thùy Dương	17/01/2011	10C3	25000380	P9
15	Trần Tiến Đạt	27/09/2011	10C3	25000383	P9
16	Trần Huy Đức	10/10/2011	10C3	25000394	P9
17	Đinh Nguyễn Hương Giang	11/11/2011	10C3	25000397	P9
18	Mai Thị Bảo Hân	25/12/2011	10C3	25000414	P10
19	Nguyễn Trung Hiếu	06/05/2011	10C3	25000420	P10
20	Nguyễn Văn Hiếu	22/08/2011	10C3	25000423	P10
21	Trần Đức Khoa	16/03/2011	10C3	25000469	P11
22	Bùi Huy Long	24/07/2011	10C3	25000488	P12
23	Nguyễn Xuân Long	10/05/2011	10C3	25000491	P12
24	Trần Duy Mạnh	14/10/2011	10C3	25000503	P12
25	Mai Tiến Minh	28/07/2011	10C3	25000509	P12
26	Mai Hải Nam	10/08/2011	10C3	25000518	P12
27	Nguyễn Công Nghĩa	29/01/2011	10C3	25000536	P13
28	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	16/10/2011	10C3	25000543	P13
29	Giáp Bằng Phú	11/12/2011	10C3	25000555	P13
30	Nguyễn Xuân Phúc	31/05/2011	10C3	25000561	P13
31	Trần Minh Phúc	08/06/2011	10C3	25000564	P13
32	Nguyễn Thị Ngọc Phương	11/02/2011	10C3	25000566	P13
33	Vũ Thảo Phương	06/11/2011	10C3	25000569	P13
34	Nguyễn Thanh Quyết	03/01/2011	10C3	25000579	P14
35	Phan Nguyễn Hải Tân	20/10/2011	10C3	25000582	P14
36	Nguyễn Viêt Thái	12/06/2011	10C3	25000586	P14
37	Trần Thị Phương Thảo	25/11/2011	10C3	25000592	P14
38	Nguyễn Thị Thoa	02/11/2011	10C3	25000598	P14
39	Mai Tuấn Tú	20/06/2011	10C3	25000620	P15
40	Nguyễn Ngọc Tuấn Tú	19/01/2011	10C3	25000622	P15
41	Trần Thanh Tùng	08/12/2011	10C3	25000629	P15
42	Bùi Thị Hà Vy	27/04/2011	10C3	25000650	P15
43	Nguyễn Thị Hà Vy	20/07/2011	10C3	25000652	P15
44	Nguyễn Thị Xuân	27/06/2011	10C3	25000657	P15

DANH SÁCH HỌC SINH TRONG PHÒNG THI

TTL	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Số báo danh	Phòng thi
1	Nguyễn Vũ An	31/03/2011	10C4	25000278	P7
2	Nguyễn Tùng Anh	27/06/2011	10C4	25000300	P7
3	Nguyễn Xuân Đức Anh	06/06/2011	10C4	25000303	P7
4	Bùi Thành Danh	06/07/2011	10C4	25000321	P8
5	Phạm Ngọc Diệp	31/07/2011	10C4	25000324	P8
6	Dương Đình Dũng	28/11/2011	10C4	25000328	P8
7	Nguyễn Quang Dũng	20/10/2011	10C4	25000331	P8
8	Nguyễn Tấn Dũng	03/01/2011	10C4	25000334	P8
9	Bùi Đăng Duy	14/11/2011	10C4	25000346	P8
10	Dương Quang Duy	29/08/2011	10C4	25000351	P8
11	Nguyễn Đức Duy	31/03/2011	10C4	25000354	P8
12	Nguyễn Huy Duy	01/09/2011	10C4	25000362	P9
13	Phan Đức Duy	15/04/2011	10C4	25000364	P9
14	Vũ Quốc Đạt	08/01/2011	10C4	25000386	P9
15	Nguyễn Hải Đăng	27/12/2011	10C4	25000389	P9
16	Lê Thị Thu Hằng	09/06/2011	10C4	25000407	P10
17	Phạm Thế Đức Hiếu	22/11/2011	10C4	25000429	P10
18	Trần Minh Hiếu	29/10/2011	10C4	25000435	P10
19	Vũ Huy Hoàng	18/02/2011	10C4	25000440	P10
20	Nguyễn Duy Phi Hùng	02/09/2011	10C4	25000445	P11
21	Tạ Mạnh Hùng	09/06/2011	10C4	25000450	P11
22	Ngô Quang Huy	26/08/2011	10C4	25000453	P11
23	Nguyễn Gia Huy	07/09/2011	10C4	25000457	P11
24	Phí Ngọc Quang Huy	29/03/2011	10C4	25000460	P11
25	Trần Quang Huy	21/10/2011	10C4	25000463	P11
26	Quách Tuấn Khang	06/04/2011	10C4	25000466	P11
27	Nguyễn Tùng Lâm	01/12/2011	10C4	25000475	P11
28	Phạm Khánh Linh	11/03/2011	10C4	25000480	P11
29	Phan Thị Thùy Linh	20/09/2011	10C4	25000485	P11
30	Quách Đắc Long	22/04/2011	10C4	25000493	P12
31	Bùi Nguyễn Nhật Minh	28/07/2011	10C4	25000506	P12
32	Trần Nhật Nam	18/01/2011	10C4	25000523	P12
33	Nguyễn Thị Nga	24/12/2011	10C4	25000526	P12
34	Hà Linh Nhi	05/12/2011	10C4	25000546	P13
35	Nguyễn Trường Phát	25/07/2011	10C4	25000549	P13
36	Nguyễn Nhật Quang	21/02/2011	10C4	25000574	P14
37	Bùi Minh Quân	27/12/2011	10C4	25000577	P14
38	Đồng Thị Phương Thảo	17/11/2011	10C4	25000589	P14
39	Nguyễn Thị Minh Thư	20/04/2011	10C4	25000601	P14
40	Doãn Hải Tiến	17/10/2011	10C4	25000607	P14
41	Hoàng Anh Tuấn	14/03/2011	10C4	25000625	P15
42	Phạm Đức Văn	09/01/2011	10C4	25000632	P15
43	Hoàng Đại Việt	19/10/2011	10C4	25000638	P15
44	Nguyễn Hoàng Võ	10/03/2011	10C4	25000644	P15
45	Nguyễn Thị Thảo Vy	25/12/2011	10C4	25000655	P15

DANH SÁCH HỌC SINH TRONG PHÒNG THI

TTL	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Số báo danh	Phòng thi
1	Bùi Thị Lan Anh	20/02/2011	10C5	25000281	P7
2	Phạm Thị Bảo Ánh	20/01/2011	10C5	25000308	P7
3	Nguyễn Duy Chuẩn	21/01/2011	10C5	25000316	P8
4	Nguyễn Chí Công	01/11/2011	10C5	25000319	P8
5	Nguyễn Việt Dũng	22/08/2011	10C5	25000337	P8
6	Bùi Đức Duy	30/09/2011	10C5	25000349	P8
7	Nguyễn Đức Duy	27/06/2011	10C5	25000359	P9
8	Nguyễn Thùy Dương	08/07/2011	10C5	25000371	P9
9	Phan Thùy Dương	14/06/2011	10C5	25000377	P9
10	Nguyễn Thế Minh Đăng	24/07/2011	10C5	25000392	P9
11	Hoàng Hương Giang	19/08/2011	10C5	25000402	P10
12	Nguyễn Minh Hải	30/05/2011	10C5	25000405	P10
13	Bùi Ngọc Hân	22/12/2011	10C5	25000410	P10
14	Nguyễn Trọng Hiếu	20/02/2011	10C5	25000417	P10
15	Nguyễn Vũ Hiếu	15/04/2011	10C5	25000426	P10
16	Phí Ngọc Hiếu	07/11/2011	10C5	25000432	P10
17	Vũ Thị Hoa	08/11/2011	10C5	25000437	P10
18	Nguyễn Xuân Hồng	07/03/2011	10C5	25000442	P10
19	Nguyễn Mạnh Hùng	13/12/2011	10C5	25000448	P11
20	Nguyễn Phúc Lâm	04/02/2011	10C5	25000472	P11
21	Nguyễn Đăng Tuấn Linh	30/10/2011	10C5	25000478	P11
22	Phạm Thùy Linh	02/01/2011	10C5	25000483	P11
23	Bùi Đức Lương	28/06/2011	10C5	25000496	P12
24	Đào Thị Ngọc Lương	23/11/2011	10C5	25000500	P12
25	Nguyễn Bảo Minh	01/04/2011	10C5	25000512	P12
26	Quách Thị Minh	04/09/2011	10C5	25000515	P12
27	Nguyễn Hải Nam	12/08/2011	10C5	25000521	P12
28	Trần Thị Nga	23/11/2011	10C5	25000528	P12
29	Doãn Hoàng Ngân	04/02/2011	10C5	25000531	P13
30	Doãn Hữu Nghị	23/07/2011	10C5	25000534	P13
31	Vũ Thị Hồng Ngọc	13/12/2011	10C5	25000539	P13
32	Trần Đức Phát	22/04/2011	10C5	25000552	P13
33	Nguyễn Đỗ Minh Phúc	04/05/2011	10C5	25000558	P13
34	Nguyễn Minh Quang	16/08/2011	10C5	25000571	P13
35	Lương Đức Thịnh	19/12/2011	10C5	25000595	P14
36	Trần Hà Thủy Tiên	27/09/2011	10C5	25000604	P14
37	Lưu Thị Huyền Trang	19/09/2011	10C5	25000609	P14
38	Bùi Phạm Bình Trọng	01/08/2011	10C5	25000612	P14
39	Nguyễn Quốc Trọng	15/09/2010	10C5	25000614	P14
40	Phạm Việt Trung	07/06/2011	10C5	25000617	P15
41	Trần Thị Vân	10/03/2011	10C5	25000635	P15
42	Đào Ngọc Vinh	12/06/2011	10C5	25000641	P15
43	Bùi Quỳnh Vy	23/01/2011	10C5	25000647	P15

DANH SÁCH HỌC SINH TRONG PHÒNG THI

TTL	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Số báo danh	Phòng thi
1	Phan Mai An	02/03/2011	10D1	25001307	P32
2	Nguyễn Mai Anh	16/08/2011	10D1	25001310	P32
3	Nguyễn Ngọc Lan Anh	30/10/2011	10D1	25001312	P32
4	Trần Quỳnh Anh	20/06/2011	10D1	25001315	P32
5	Trần Thị Nguyệt Anh	12/09/2011	10D1	25001319	P32
6	Vũ Duy Anh	17/07/2011	10D1	25001322	P32
7	Vũ Thị Phương Anh	13/06/2011	10D1	25001325	P32
8	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	27/01/2011	10D1	25001328	P32
9	Vũ Thị Nguyệt Ánh	20/01/2011	10D1	25001331	P32
10	Đặng Thị Ngọc Bích	30/07/2011	10D1	25001334	P32
11	Ngô Quỳnh Chi	22/09/2011	10D1	25001337	P32
12	Tổng Thị Linh Chi	16/08/2011	10D1	25001340	P32
13	Nguyễn Thị Thuỳ Dương	29/03/2011	10D1	25001342	P32
14	Nguyễn Thùy Dương	10/11/2011	10D1	25001345	P32
15	Trần Gia Hân	17/03/2011	10D1	25001347	P32
16	Nguyễn Thị Huệ	12/02/2011	10D1	25001348	P33
17	Nguyễn Thị Thanh Huyền	27/01/2011	10D1	25001351	P33
18	Nguyễn Thị Thu Hương	01/02/2011	10D1	25001354	P33
19	Phạm Thị Thúy Hương	24/04/2011	10D1	25001357	P33
20	Lương Ngọc Khánh	22/03/2011	10D1	25001360	P33
21	Nguyễn Phùng Ngọc Linh	02/04/2011	10D1	25001363	P33
22	Nguyễn Thị Khánh Linh	20/03/2011	10D1	25001367	P33
23	Nguyễn Trần Phương Linh	18/12/2011	10D1	25001369	P33
24	Vũ Thảo Linh	12/07/2011	10D1	25001372	P33
25	Nguyễn Minh Minh	07/11/2011	10D1	25001375	P33
26	Phạm Tuyết Minh	24/10/2011	10D1	25001378	P33
27	Phạm Đỗ Thiên Mỹ	30/11/2011	10D1	25001381	P33
28	Hoàng Kim Ngân	02/06/2011	10D1	25001384	P33
29	Nguyễn Thị Phụng	28/02/2011	10D1	25001387	P33
30	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	23/10/2011	10D1	25001390	P34
31	Nguyễn Thị San San	24/12/2011	10D1	25001393	P34
32	Nguyễn Hạ Thảo	14/07/2011	10D1	25001396	P34
33	Nguyễn Hương Thảo	11/09/2011	10D1	25001399	P34
34	Nguyễn Thị Thanh Thảo	16/11/2011	10D1	25001402	P34
35	Phạm Thị Thanh Thảo	05/10/2011	10D1	25001405	P34
36	Trần Thị Phương Thảo	27/04/2011	10D1	25001409	P34
37	Trần Thu Thùy	07/09/2011	10D1	25001411	P34
38	Lê Bảo Trang	19/09/2011	10D1	25001414	P34
39	Nguyễn Vũ Huyền Trang	17/08/2011	10D1	25001417	P34
40	Phạm Thị Huyền Trang	23/08/2011	10D1	25001420	P34
41	Hoàng Hà Vi	18/11/2011	10D1	25001423	P34
42	Vũ Hà Vi	01/01/2011	10D1	25001426	P34
43	Quách Nguyễn Tường Vy	28/06/2011	10D1	25001429	P34

DANH SÁCH HỌC SINH TRONG PHÒNG THI

TTL	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Số báo danh	Phòng thi
1	Vũ Duy Bình An	03/02/2010	11A1	25000662	P16
2	Lưu Nguyễn Phương Anh	30/12/2010	11A1	25000669	P16
3	Nguyễn Đức Anh	19/08/2010	11A1	25000671	P16
4	Trần Thị Vân Anh	21/07/2010	11A1	25000702	P17
5	Nguyễn Minh Châu	12/06/2010	11A1	25000731	P17
6	Vũ Thị Huyền Diệu	18/03/2010	11A1	25000739	P17
7	Tổng Lê Dũng	18/01/2010	11A1	25000746	P18
8	Vũ Văn Duy	13/10/2010	11A1	25000749	P18
9	Phùng Thị Mỹ Duyên	03/03/2010	11A1	25000756	P18
10	Trần Đức Dương	14/07/2010	11A1	25000763	P18
11	Nguyễn Thị Ngọc Hà	21/12/2010	11A1	25000793	P19
12	Phạm Thị Thu Hiền	09/07/2010	11A1	25000805	P19
13	Sái Phương Hiền	27/08/2010	11A1	25000807	P19
14	Phạm Minh Hiếu	17/11/2010	11A1	25000814	P19
15	Doãn Huy Hoàng	26/01/2010	11A1	25000819	P19
16	Phạm Quang Huy	26/04/2010	11A1	25000834	P20
17	Vũ Ngọc Khánh Huyền	13/03/2010	11A1	25000841	P20
18	Nguyễn Gia Hưng	08/11/2010	11A1	25000844	P20
19	Phạm Quang Khải	20/04/2010	11A1	25000851	P20
20	Trần Bảo Lâm	25/11/2010	11A1	25000861	P20
21	Đặng Bảo Linh	23/11/2010	11A1	25000863	P20
22	Đỗ Thị Diệu Linh	19/07/2010	11A1	25000866	P20
23	Doãn Hoàng Mai	12/08/2010	11A1	25000905	P21
24	Trần Nguyễn Phương Mai	01/04/2010	11A1	25000907	P21
25	Vũ Lâm Mai	13/05/2010	11A1	25000910	P21
26	Vũ Thị Ngọc Mai	02/11/2010	11A1	25000915	P21
27	Vũ Hoàng Minh	25/05/2010	11A1	25000921	P22
28	Uông Phúc Thiên Nam	30/10/2010	11A1	25000931	P22
29	Vũ Thị Quỳnh Nga	25/10/2010	11A1	25000936	P22
30	Nguyễn Trung Nghĩa	17/09/2010	11A1	25000941	P22
31	Dương Khánh Ngọc	24/08/2010	11A1	25000945	P22
32	Đỗ Khánh Ngọc	25/05/2010	11A1	25000948	P22
33	Nguyễn Khánh Ngọc	27/11/2010	11A1	25000950	P22
34	Nguyễn Minh Ngọc	17/07/2010	11A1	25000953	P22
35	Vũ Thị Yến Nhi	03/01/2010	11A1	25000971	P23
36	Nguyễn An Ninh	17/03/2010	11A1	25000974	P23
37	Nguyễn Thu Trang	24/03/2010	11A1	25001014	P24
38	Bùi Bảo Trúc	18/12/2010	11A1	25001017	P24
39	Trần Đào Đạt Vĩ	24/01/2010	11A1	25001027	P24
40	Hoàng Thảo Vy	26/09/2010	11A1	25001034	P24
41	Nguyễn Phương Vy	16/07/2010	11A1	25001039	P24

DANH SÁCH HỌC SINH TRONG PHÒNG THI

TTL	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Số báo danh	Phòng thi
1	Bùi Ngọc Anh	12/09/2010	11A2	25000666	P16
2	Nguyễn Kỳ Anh	01/11/2010	11A2	25000674	P16
3	Nguyễn Nguyệt Minh Anh	12/04/2010	11A2	25000679	P16
4	Vũ Quỳnh Anh	27/10/2010	11A2	25000705	P17
5	Vũ Thị Kim Anh	27/06/2010	11A2	25000709	P17
6	Vũ Việt Bách	02/06/2010	11A2	25000719	P17
7	Đào Ngọc Bảo	17/11/2010	11A2	25000722	P17
8	Nguyễn Tấn Bằng	30/10/2010	11A2	25000729	P17
9	Lê Sao Duyên	03/11/2010	11A2	25000753	P18
10	Phạm Thế Duyệt	05/02/2010	11A2	25000758	P18
11	Trần Thị Thùy Dương	29/11/2010	11A2	25000766	P18
12	Trần Đoàn Đạt	08/04/2010	11A2	25000773	P18
13	Nguyễn Minh Đức	22/08/2010	11A2	25000775	P18
14	Phạm Huy Đức	05/10/2010	11A2	25000778	P18
15	Nguyễn Trường Giang	26/10/2010	11A2	25000787	P18
16	Vũ Thị Bích Hạnh	02/12/2010	11A2	25000800	P19
17	Phạm Đức Hiếu	12/01/2010	11A2	25000810	P19
18	Phạm Thị Hồng Hoa	10/07/2010	11A2	25000817	P19
19	Đoàn Thị Thanh Hồng	09/05/2010	11A2	25000822	P19
20	Bùi Nguyễn Huy Hùng	18/03/2010	11A2	25000831	P19
21	Vũ Tiến Huy	16/03/2010	11A2	25000837	P20
22	Phạm Việt Hưng	10/07/2010	11A2	25000846	P20
23	Phạm Duy Khánh	26/11/2010	11A2	25000854	P20
24	Đỗ Tùng Lâm	05/05/2010	11A2	25000858	P20
25	Hoàng Hà Linh	10/06/2010	11A2	25000871	P20
26	Phan Khánh Linh	06/10/2010	11A2	25000881	P21
27	Tổng Thị Diệu Linh	14/11/2010	11A2	25000885	P21
28	Trần Thị Diệu Linh	12/03/2010	11A2	25000890	P21
29	Hoàng Thành Lộc	26/06/2010	11A2	25000895	P21
30	Trần Đức Lương	07/03/2010	11A2	25000898	P21
31	Đỗ Thị Trà My	19/04/2010	11A2	25000924	P22
32	Nguyễn Phạm Quỳnh Nga	27/09/2010	11A2	25000933	P22
33	Hoàng Kim Ngân	05/12/2010	11A2	25000938	P22
34	Doãn Hoàng Nguyên	26/02/2010	11A2	25000958	P22
35	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	07/12/2010	11A2	25000961	P22
36	Trần Thị Thu Nguyệt	04/01/2010	11A2	25000964	P23
37	Tổng Bích Thảo	04/02/2010	11A2	25000988	P23
38	Lê Mai Thu	15/11/2010	11A2	25000996	P23
39	Nguyễn Thị Thu	23/05/2010	11A2	25001001	P23
40	Nguyễn Xuân Trường	08/05/2010	11A2	25001019	P24
41	Nguyễn Ngọc Phương Uyên	26/01/2010	11A2	25001024	P24
42	Phạm Minh Vũ	20/10/2010	11A2	25001031	P24
43	Lê Phương Vy	20/11/2010	11A2	25001036	P24
44	Hoàng Thị Thanh Xuân	07/03/2010	11A2	25001047	P24

DANH SÁCH HỌC SINH TRONG PHÒNG THI

TTL	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Số báo danh	Phòng thi
1	Trần Bình An	25/09/2010	11A3	25000659	P16
2	Nguyễn Minh Anh	09/09/2010	11A3	25000676	P16
3	Nguyễn Thị Lan Anh	29/01/2010	11A3	25000683	P16
4	Nguyễn Thị Phương Anh	23/06/2010	11A3	25000686	P16
5	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	28/04/2010	11A3	25000688	P16
6	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	07/06/2010	11A3	25000691	P16
7	Trần Phương Anh	17/06/2010	11A3	25000699	P16
8	Đào Minh Ánh	12/11/2010	11A3	25000712	P17
9	Nguyễn Thị Ánh	19/02/2010	11A3	25000714	P17
10	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	23/02/2010	11A3	25000717	P17
11	Lưu Gia Bảo	18/05/2010	11A3	25000726	P17
12	Nguyễn Đình Cường	19/04/2010	11A3	25000734	P17
13	Nguyễn Tiến Dũng	29/11/2010	11A3	25000743	P17
14	Phạm Việt Dương	18/09/2010	11A3	25000761	P18
15	Lê Tiến Đạt	27/10/2010	11A3	25000770	P18
16	Nguyễn Hoàng Hương Giang	28/07/2010	11A3	25000783	P18
17	Nguyễn Viết Giới	04/01/2010	11A3	25000790	P19
18	Quách Thị Hải Hà	05/12/2010	11A3	25000797	P19
19	Tổng Chí Hào	12/12/2010	11A3	25000802	P19
20	Hoàng Thị Hồng Huế	30/08/2010	11A3	25000827	P19
21	Vũ Thị Mai Hương	15/11/2010	11A3	25000849	P20
22	Lê Thị Diệu Linh	30/05/2010	11A3	25000875	P20
23	Phạm Thị Ngọc Linh	21/10/2010	11A3	25000878	P21
24	Trần Khánh Linh	21/09/2010	11A3	25000888	P21
25	Nguyễn Phi Long	05/08/2010	11A3	25000893	P21
26	Trần Thị Khánh Ly	30/07/2010	11A3	25000902	P21
27	Đặng Tiến Minh	01/09/2010	11A3	25000918	P21
28	Nguyễn Vũ Hải Nam	15/01/2010	11A3	25000928	P22
29	Nguyễn Bảo Nhi	28/09/2010	11A3	25000967	P23
30	Lưu Huệ Phương	11/10/2010	11A3	25000976	P23
31	Nguyễn Vũ Mai Phương	11/06/2010	11A3	25000979	P23
32	Đoàn Minh Tâm	10/10/2010	11A3	25000981	P23
33	Nguyễn Thị Phương Thảo	26/02/2010	11A3	25000984	P23
34	Trần Phương Thảo	12/04/2010	11A3	25000991	P23
35	Cao Thị Minh Thu	28/08/2010	11A3	25000993	P23
36	Bùi Phạm Anh Thư	14/09/2010	11A3	25001004	P23
37	Lê Thị Anh Thư	18/06/2010	11A3	25001007	P24
38	Trần Bảo Thy	09/02/2010	11A3	25001010	P24
39	Trần Đại Trường	29/11/2010	11A3	25001022	P24
40	Nguyễn Vũ Nhật Vy	30/11/2010	11A3	25001044	P24

DANH SÁCH HỌC SINH TRONG PHÒNG THI

TTL	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Số báo danh	Phòng thi
1	Nguyễn Lan Anh	21/06/2010	11A4	25001050	P26
2	Trần Việt Anh	08/04/2010	11A4	25001053	P26
3	Vũ Nguyễn Quỳnh Ánh	30/10/2010	11A4	25001057	P26
4	Tạ Thị Kiều Diễm	29/06/2009	11A4	25001060	P26
5	Đoàn Tuấn Dũng	07/05/2010	11A4	25001062	P26
6	Trần Đức Dũng	24/12/2010	11A4	25001065	P26
7	Đỗ Minh Đạt	25/01/2010	11A4	25001067	P26
8	Trần Bùi Tiến Đạt	17/11/2010	11A4	25001070	P26
9	Lê Thị Thu Hằng	17/07/2010	11A4	25001074	P26
10	Nguyễn Minh Hằng	29/06/2010	11A4	25001077	P26
11	Bùi Văn Hậu	17/08/2010	11A4	25001079	P26
12	Nguyễn Thị Thu Hiền	12/10/2010	11A4	25001082	P26
13	Nguyễn Công Hiệp	31/03/2009	11A4	25001087	P26
14	Đồng Minh Hiếu	18/07/2010	11A4	25001090	P26
15	Trần Việt Hoàn	27/08/2010	11A4	25001093	P27
16	Trịnh Tuấn Kiệt	17/12/2010	11A4	25001096	P27
17	Phạm Phương Linh	15/08/2010	11A4	25001100	P27
18	Trần Bùi Gia Linh	05/10/2010	11A4	25001103	P27
19	Trần Ngọc Khánh Linh	10/10/2010	11A4	25001105	P27
20	Vũ Ngọc Phương Linh	08/10/2010	11A4	25001108	P27
21	Tổng Khánh Ly	04/02/2010	11A4	25001110	P27
22	Đặng Bình Minh	21/09/2010	11A4	25001113	P27
23	Hoàng Thanh Ngân	10/10/2010	11A4	25001117	P27
24	Lê Thanh Khánh Ngọc	20/10/2010	11A4	25001120	P27
25	Trần Thị Ánh Ngọc	02/01/2010	11A4	25001122	P27
26	Nguyễn Trọng Nhân	18/11/2010	11A4	25001125	P27
27	Trần Tố Như	28/08/2010	11A4	25001130	P27
28	Bùi Hồng Quỳnh	11/06/2010	11A4	25001133	P27
29	Bùi Như Quỳnh	15/02/2010	11A4	25001136	P28
30	Đào Trường Sinh	10/03/2010	11A4	25001139	P28
31	Nguyễn Tổng Tào	17/06/2010	11A4	25001143	P28
32	Nguyễn Ngọc Thái	11/07/2010	11A4	25001146	P28
33	Trịnh Tiến Thành	22/04/2010	11A4	25001148	P28
34	Dương Hà Thảo	02/11/2010	11A4	25001151	P28
35	Nguyễn Thanh Thảo	08/03/2010	11A4	25001153	P28
36	Quách Thị Phương Thảo	15/03/2010	11A4	25001158	P28
37	Hoàng Thị Thúy	01/08/2010	11A4	25001160	P28
38	Trần Thị Anh Thư	29/04/2010	11A4	25001163	P28
39	Trần Đỗ Thế Toàn	09/03/2010	11A4	25001167	P28
40	Bùi Mạnh Tuấn	09/01/2010	11A4	25001170	P28
41	Nguyễn Hữu Tuấn	29/11/2010	11A4	25001173	P28
42	Mai Yến Vy	03/12/2010	11A4	25001176	P28

DANH SÁCH HỌC SINH TRONG PHÒNG THI

TTL	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Số báo danh	Phòng thi
1	Bùi Đăng Phúc An	24/02/2010	11B1	25000272	P7
2	Đặng Bảo An	16/02/2010	11B1	25000275	P7
3	Đàm Nguyễn Việt Anh	04/11/2010	11B1	25000287	P7
4	Nguyễn Hải Anh	10/06/2010	11B1	25000296	P7
5	Nguyễn Thị Minh Anh	09/07/2010	11B1	25000299	P7
6	Trần Kim Anh	17/04/2010	11B1	25000307	P7
7	Nguyễn Văn Công	05/07/2010	11B1	25000325	P8
8	Vũ Đình Duẩn	21/04/2010	11B1	25000330	P8
9	Nguyễn Huy Dũng	13/03/2010	11B1	25000335	P8
10	Nguyễn Thế Dũng	01/01/2010	11B1	25000339	P8
11	Nguyễn Thế Duy	01/01/2010	11B1	25000344	P8
12	Nguyễn Thị Minh Duyên	13/10/2010	11B1	25000347	P8
13	Nguyễn Đại Dương	16/12/2010	11B1	25000350	P8
14	Phí Ngọc Đại	25/11/2010	11B1	25000355	P8
15	Hoàng Quốc Đạt	01/01/2010	11B1	25000365	P9
16	Bùi Đăng Đông	23/11/2010	11B1	25000370	P9
17	Nguyễn Trung Đức	20/01/2010	11B1	25000373	P9
18	Nguyễn Xuân Đức	11/07/2010	11B1	25000375	P9
19	Nguyễn Đức Hiếu	05/12/2010	11B1	25000401	P10
20	Phạm Trần Vũ Hoàng	14/03/2010	11B1	25000413	P10
21	An Tiến Hùng	14/03/2010	11B1	25000418	P10
22	Nguyễn Nam Khánh	31/10/2010	11B1	25000454	P11
23	Giáp Bằng Khởi	02/11/2010	11B1	25000468	P11
24	Bùi Trung Kiên	04/11/2010	11B1	25000473	P11
25	Phạm Đức Lâm	31/03/2010	11B1	25000494	P12
26	Vũ Công Lâm	05/04/2010	11B1	25000497	P12
27	Vũ Hoàng Linh	24/11/2010	11B1	25000502	P12
28	Nguyễn Bảo Long	23/10/2010	11B1	25000507	P12
29	Ngô Sỹ Luân	18/06/2010	11B1	25000519	P12
30	Vũ Trần Khánh Ly	12/03/2010	11B1	25000530	P13
31	Trần Phạm Kim Ngân	14/12/2010	11B1	25000547	P13
32	Trần Đức Phát	10/09/2010	11B1	25000559	P13
33	Nguyễn Minh Phương	16/11/2010	11B1	25000562	P13
34	Vũ Thị Thu Phương	09/03/2010	11B1	25000570	P13
35	Nguyễn Việt Quang	23/02/2010	11B1	25000573	P14
36	Nguyễn Quang Thắng	02/05/2010	11B1	25000600	P14
37	Vũ Hoàng Mạnh Thắng	19/04/2010	11B1	25000602	P14
38	Phùng Văn Thiện	14/10/2010	11B1	25000605	P14
39	Nguyễn Anh Thư	14/08/2010	11B1	25000616	P15
40	Vũ Hoàng Minh Thư	20/09/2010	11B1	25000619	P15
41	Đinh Thị Hương Trang	25/03/2010	11B1	25000626	P15
42	Nguyễn Huyền Trang	16/10/2010	11B1	25000628	P15
43	Đặng Bảo Trâm	26/11/2010	11B1	25000631	P15
44	Trần Huy Văn	02/08/2010	11B1	25000645	P15

DANH SÁCH HỌC SINH TRONG PHÒNG THI

TTL	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Số báo danh	Phòng thi
1	Nguyễn Lê Thanh An	19/10/2010	11B2	25000279	P7
2	Vũ Trường An	30/11/2010	11B2	25000282	P7
3	Bùi Hải Anh	21/04/2010	11B2	25000284	P7
4	Đỗ Quỳnh Anh	10/03/2010	11B2	25000289	P7
5	Lê Ngọc Quỳnh Anh	24/02/2010	11B2	25000292	P7
6	Nguyễn Tuấn Anh	04/11/2010	11B2	25000301	P7
7	Phạm Minh Ánh	04/08/2010	11B2	25000312	P7
8	Trần Thị Ngọc Biển	08/07/2010	11B2	25000315	P8
9	Phạm Trung Dũng	07/05/2010	11B2	25000342	P8
10	Nguyễn Đào Phương Đan	23/12/2010	11B2	25000358	P9
11	Trịnh Tiến Đạt	22/04/2010	11B2	25000368	P9
12	Phạm Minh Đức	15/06/2010	11B2	25000378	P9
13	Bùi Đăng Trường Giang	14/08/2010	11B2	25000385	P9
14	Đỗ Việt Hà	17/02/2010	11B2	25000387	P9
15	Nguyễn Mạnh Hải	01/11/2010	11B2	25000390	P9
16	Phạm Hoàng Hải	28/07/2010	11B2	25000398	P9
17	Phan Bùi Minh Hiếu	15/10/2010	11B2	25000404	P10
18	Nguyễn Thái Hòa	06/03/2010	11B2	25000408	P10
19	Dư Nhật Hoàng	17/02/2010	11B2	25000411	P10
20	Nguyễn Việt Huy	27/10/2010	11B2	25000428	P10
21	Trần Gia Huy	28/11/2010	11B2	25000433	P10
22	Phạm Gia Khiêm	25/03/2010	11B2	25000459	P11
23	Tạ Quang Khoa	16/12/2010	11B2	25000461	P11
24	Doãn Đình Khỏe	18/02/2010	11B2	25000464	P11
25	Hoàng Trung Kiên	02/03/2010	11B2	25000476	P11
26	Bùi Sơn Lâm	01/06/2010	11B2	25000487	P12
27	Hà Duy Lâm	08/11/2010	11B2	25000490	P12
28	Hà Nhật Long	11/09/2010	11B2	25000504	P12
29	Uông Trần Khánh Ly	16/11/2010	11B2	25000527	P12
30	Nguyễn Hoàng Minh	23/04/2010	11B2	25000542	P13
31	Nguyễn Văn Nam	23/03/2010	11B2	25000545	P13
32	Vương Thị Khánh Ngọc	15/11/2010	11B2	25000557	P13
33	Nguyễn Đức Minh Quân	10/03/2010	11B2	25000576	P14
34	Đỗ Thụy Bảo Quyên	12/01/2010	11B2	25000583	P14
35	Nguyễn Hữu Quyết	02/10/2010	11B2	25000585	P14
36	Trần Tấn Tài	29/01/2010	11B2	25000590	P14
37	Nguyễn Huy Tiệp	03/03/2010	11B2	25000623	P15
38	Nguyễn Anh Tú	23/03/2010	11B2	25000636	P15

DANH SÁCH HỌC SINH TRONG PHÒNG THI

TTL	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Số báo danh	Phòng thi
1	Nguyễn Việt Anh	04/09/2010	11B3	25000304	P7
2	Nguyễn Ngọc Châm	21/09/2010	11B3	25000318	P8
3	Ninh Khánh Chi	30/07/2010	11B3	25000322	P8
4	Quách Hữu Cương	03/02/2010	11B3	25000327	P8
5	Hoàng Tiến Dũng	01/01/2010	11B3	25000332	P8
6	Bùi Phạm Thành Đạt	28/03/2010	11B3	25000361	P9
7	Phạm Văn Đức	12/05/2010	11B3	25000382	P9
8	Nguyễn Thị Kim Hồng	28/09/2010	11B3	25000416	P10
9	Nguyễn Đỗ Đức Huy	26/11/2010	11B3	25000421	P10
10	Nguyễn Đức Huy	27/01/2010	11B3	25000425	P10
11	Trần Bảo Huy	20/09/2010	11B3	25000430	P10
12	Nguyễn Tuấn Hưng	15/08/2010	11B3	25000441	P10
13	Đào Minh Hường	02/01/2010	11B3	25000444	P11
14	Bùi Đăng Khánh	14/04/2010	11B3	25000447	P11
15	Nguyễn Nam Khánh	26/09/2010	11B3	25000451	P11
16	Nguyễn Nam Khánh	09/12/2010	11B3	25000456	P11
17	Bùi Đăng Kiên	14/12/2010	11B3	25000471	P11
18	Phạm Anh Kiệt	08/06/2010	11B3	25000484	P11
19	Vũ Hoàng Lâm	16/11/2010	11B3	25000499	P12
20	Nguyễn Văn Long	04/10/2010	11B3	25000511	P12
21	Nguyễn Văn Lộc	03/05/2010	11B3	25000514	P12
22	Trần Quang Lộc	14/03/2010	11B3	25000516	P12
23	Doãn Quang Minh	09/05/2010	11B3	25000533	P13
24	Dương Bảo Minh	07/12/2010	11B3	25000537	P13
25	Đỗ Quang Minh	10/11/2010	11B3	25000540	P13
26	Nguyễn Bảo Ngọc	29/08/2010	11B3	25000550	P13
27	Trần Thị Khánh Ngọc	20/10/2010	11B3	25000554	P13
28	Trần Anh Quân	15/11/2009	11B3	25000580	P14
29	Cao Xuân Sáng	21/02/2010	11B3	25000588	P14
30	Nguyễn Duy Thành	29/12/2010	11B3	25000593	P14
31	Nguyễn Hữu Thành	29/01/2010	11B3	25000597	P14
32	Lương Thị Anh Thư	10/10/2010	11B3	25000613	P14
33	Nguyễn Văn Trường	04/02/2010	11B3	25000633	P15
34	Vũ Đức Tuấn	14/07/2010	11B3	25000640	P15
35	Bùi Minh Uy	15/06/2010	11B3	25000643	P15
36	Bùi Quốc Việt	14/05/2010	11B3	25000648	P15
37	Nguyễn Thị Hải Yến	22/01/2010	11B3	25000656	P15

DANH SÁCH HỌC SINH TRONG PHÒNG THI

TTL	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Số báo danh	Phòng thi
1	Bùi Tuấn Anh	07/08/2010	11C1	25000005	P1
2	Nghiêm Hoàng Thái Anh	23/07/2010	11C1	25000012	P1
3	Quách Thị Quỳnh Anh	24/08/2010	11C1	25000019	P1
4	Tổng Ngọc Phương Anh	24/07/2010	11C1	25000022	P1
5	Vũ Thị Lan Anh	13/09/2010	11C1	25000031	P1
6	Đỗ Thị Ngọc Ánh	19/03/2010	11C1	25000034	P1
7	Nguyễn Bùi Ngọc Diệp	22/01/2010	11C1	25000047	P2
8	Nguyễn Tiến Dũng	03/03/2010	11C1	25000057	P2
9	Vũ Dũng	19/10/2010	11C1	25000059	P2
10	Trần Khánh Duy	24/08/2010	11C1	25000064	P2
11	Đào Minh Dương	22/01/2010	11C1	25000071	P2
12	Nguyễn Đăng Dương	11/02/2010	11C1	25000074	P2
13	Đặng Nguyên Đăng	22/06/2010	11C1	25000082	P2
14	Đặng Nguyễn Minh Đức	01/12/2010	11C1	25000084	P2
15	Nguyễn Mạnh Hà	01/09/2010	11C1	25000086	P2
16	Nguyễn Vân Hà	02/07/2010	11C1	25000092	P3
17	Lê Ngọc Hải	11/02/2010	11C1	25000095	P3
18	Nguyễn Thị Minh Hằng	25/06/2010	11C1	25000104	P3
19	Phí Ngọc Hoa	03/08/2010	11C1	25000109	P3
20	Vũ Duy Hoàng	01/10/2010	11C1	25000119	P3
21	Đỗ Gia Huy	05/10/2010	11C1	25000129	P3
22	Nguyễn Khánh Huyền	12/11/2010	11C1	25000137	P4
23	Bùi Việt Hưng	11/08/2010	11C1	25000147	P4
24	Nguyễn Thanh Hưng	28/12/2010	11C1	25000149	P4
25	Bùi Đức Khang	07/09/2010	11C1	25000152	P4
26	Lê Bùi Thế Khánh	22/10/2010	11C1	25000154	P4
27	Nguyễn Bách Lâm	23/12/2010	11C1	25000161	P4
28	Trần Đoàn Trúc Linh	19/05/2010	11C1	25000164	P4
29	Tạ Văn Lộc	27/06/2010	11C1	25000166	P4
30	Nguyễn Đức Mạnh	09/01/2010	11C1	25000174	P4
31	Đỗ Quang Minh	15/09/2010	11C1	25000176	P4
32	Nguyễn Đình Minh	10/02/2010	11C1	25000185	P5
33	Phạm Hà My	29/11/2010	11C1	25000189	P5
34	Vũ Văn Nam	14/06/2010	11C1	25000197	P5
35	Trần Văn Nhân	24/02/2010	11C1	25000199	P5
36	Trần Văn Hưng Phát	31/07/2010	11C1	25000202	P5
37	Nguyễn Thanh Quỳnh	16/09/2010	11C1	25000209	P5
38	Nguyễn Đình Thái	12/06/2010	11C1	25000211	P5
39	Nguyễn Sỹ Thái	18/11/2010	11C1	25000214	P5
40	Đặng Lê Phương Thảo	17/08/2010	11C1	25000221	P5
41	Nguyễn Anh Thơ	14/12/2010	11C1	25000227	P6
42	Nguyễn Kiều Tiên	02/11/2010	11C1	25000234	P6
43	Nguyễn Huy Tiến	29/05/2010	11C1	25000239	P6
44	Phạm Thanh Trà	17/06/2010	11C1	25000244	P6
45	Nguyễn Thế Tùng	09/01/2010	11C1	25000259	P6
46	Nguyễn Minh Vũ	13/10/2010	11C1	25000264	P6

DANH SÁCH HỌC SINH TRONG PHÒNG THI

TTL	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Số báo danh	Phòng thi
1	Bùi Thùy Anh	04/11/2010	11C2	25000002	P1
2	Hoàng Lan Anh	11/01/2010	11C2	25000009	P1
3	Nguyễn Hà Lan Anh	09/11/2010	11C2	25000014	P1
4	Phạm Đức Anh	02/02/2010	11C2	25000017	P1
5	Trần Đức Anh	31/08/2010	11C2	25000026	P1
6	Uông Phương Anh	22/09/2010	11C2	25000029	P1
7	Lê Gia Bảo	14/10/2010	11C2	25000039	P1
8	Trần Thị Ngọc Bích	10/02/2010	11C2	25000041	P1
9	Doãn Trần Huyền Chi	06/08/2010	11C2	25000042	P1
10	Trần Văn Chiến	08/06/2010	11C2	25000044	P1
11	Nguyễn Chí Dũng	25/10/2010	11C2	25000050	P2
12	Nguyễn Thế Dũng	20/04/2010	11C2	25000054	P2
13	Phan Hữu Anh Duy	03/06/2010	11C2	25000062	P2
14	Chu Trí Dương	02/06/2010	11C2	25000067	P2
15	Trần Phạm Thùy Dương	18/01/2010	11C2	25000076	P2
16	Vũ Công Đăng	27/03/2010	11C2	25000079	P2
17	Lê Văn Hải	02/04/2010	11C2	25000099	P3
18	Mai Duy Hải	25/08/2010	11C2	25000102	P3
19	Vũ Ngọc Hiếu	05/08/2010	11C2	25000107	P3
20	Nguyễn Thu Hòa	30/03/2010	11C2	25000112	P3
21	Nguyễn Hữu Hoàng	08/03/2010	11C2	25000116	P3
22	Nguyễn Thị Thanh Hồng	29/01/2010	11C2	25000121	P3
23	Nguyễn Gia Hùng	08/09/2010	11C2	25000124	P3
24	Nguyễn Sinh Hùng	06/12/2010	11C2	25000127	P3
25	Nguyễn Quang Huy	12/02/2010	11C2	25000131	P3
26	Nguyễn Thị Minh Huyền	23/12/2010	11C2	25000140	P4
27	Trần Khánh Huyền	25/12/2010	11C2	25000144	P4
28	Ngô Thanh Lâm	30/10/2010	11C2	25000157	P4
29	Nguyễn Văn Luân	01/04/2010	11C2	25000169	P4
30	Phan Thị Xuân Mai	02/04/2010	11C2	25000172	P4
31	Nguyễn Duy Minh	18/12/2010	11C2	25000182	P5
32	Đỗ Thành Nam	10/12/2009	11C2	25000192	P5
33	Trần Văn Nam	05/08/2010	11C2	25000194	P5
34	Trần Minh Quân	06/07/2010	11C2	25000206	P5
35	Trần Trọng Thái	19/12/2010	11C2	25000217	P5
36	Vũ Tiến Thành	26/08/2010	11C2	25000219	P5
37	Nguyễn Anh Thư	19/04/2010	11C2	25000230	P6
38	Đoàn Văn Tiến	07/11/2010	11C2	25000237	P6
39	Nguyễn Đức Toán	11/04/2010	11C2	25000242	P6
40	Đoàn Trần Thủy Trang	31/03/2010	11C2	25000247	P6
41	Nguyễn Thị Mai Trang	25/02/2010	11C2	25000251	P6
42	Vũ Thành Trung	01/09/2010	11C2	25000254	P6
43	Tổng Xuân Trường	28/04/2010	11C2	25000256	P6
44	Đoàn Thị Uyên	02/04/2010	11C2	25000262	P6
45	Mai Hải Yến	17/04/2010	11C2	25000266	P6

DANH SÁCH HỌC SINH TRONG PHÒNG THI

TTL	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Số báo danh	Phòng thi
1	Bùi Ngọc Hà Anh	12/09/2010	11D1	25001178	P29
2	Nguyễn Quỳnh Anh	15/12/2010	11D1	25001181	P29
3	Phạm Hồng Anh	13/04/2010	11D1	25001185	P29
4	Trần Thị Ngọc Anh	01/02/2010	11D1	25001188	P29
5	Trần Tú Anh	30/07/2010	11D1	25001190	P29
6	Hoàng Ngọc Ánh	04/02/2010	11D1	25001193	P29
7	Phạm Ngọc Bích	18/12/2010	11D1	25001195	P29
8	Đặng Kim Chi	28/02/2010	11D1	25001198	P29
9	Nguyễn Thùy Dương	15/01/2010	11D1	25001202	P29
10	Bùi Thị Hậu	29/06/2010	11D1	25001205	P29
11	Đàm Khánh Huyền	01/04/2010	11D1	25001207	P29
12	Vũ Thị Huyền	16/06/2010	11D1	25001210	P29
13	Trần Vân Khánh	18/08/2010	11D1	25001215	P29
14	Đặng Mai Lan	05/11/2010	11D1	25001218	P29
15	Doãn Khánh Linh	30/01/2010	11D1	25001221	P30
16	Nguyễn Bảo Linh	20/04/2010	11D1	25001224	P30
17	Nguyễn Thuỳ Linh	19/05/2010	11D1	25001228	P30
18	Nguyễn Vũ Thùy Linh	25/11/2010	11D1	25001231	P30
19	Trần Thị Diệu Linh	04/09/2010	11D1	25001233	P30
20	Trần Thị Khánh Linh	27/02/2010	11D1	25001236	P30
21	Bùi Mai Loan	01/05/2010	11D1	25001238	P30
22	Phạm Văn Lương	22/08/2010	11D1	25001241	P30
23	Trần Bùi Khánh Ly	15/11/2010	11D1	25001245	P30
24	Đỗ Thị Mai	22/08/2010	11D1	25001248	P30
25	Quách Thị Ngọc Mai	25/08/2010	11D1	25001250	P30
26	Bùi Nhật Minh	28/04/2010	11D1	25001253	P30
27	Hoàng Hà My	19/11/2010	11D1	25001258	P30
28	Nguyễn Phương Nga	27/07/2010	11D1	25001261	P30
29	Nghiêm Vũ Bảo Ngọc	09/10/2010	11D1	25001264	P31
30	Phạm Thị Hồng Ngọc	24/05/2010	11D1	25001267	P31
31	Vũ Bích Ngọc	09/04/2010	11D1	25001271	P31
32	Vũ Thị Bích Ngọc	09/02/2010	11D1	25001274	P31
33	Nguyễn Thị Hồng Nhung	17/12/2010	11D1	25001276	P31
34	Nguyễn Quỳnh Như	11/02/2010	11D1	25001279	P31
35	Nguyễn Hà Phương	06/04/2010	11D1	25001281	P31
36	Hoàng Thị Phương Thảo	01/09/2010	11D1	25001286	P31
37	Lưu Hiền Trang	01/04/2010	11D1	25001288	P31
38	Nguyễn Kiều Trang	05/09/2010	11D1	25001291	P31
39	Nguyễn Hải Trâm	30/10/2010	11D1	25001295	P31
40	Phùng Bảo Trúc	11/09/2010	11D1	25001298	P31
41	Phạm Hồng Thảo Vy	03/07/2010	11D1	25001301	P31
42	Tổng Tường Vy	12/11/2010	11D1	25001303	P31

DANH SÁCH HỌC SINH TRONG PHÒNG THI

TTL	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Số báo danh	Phòng thi
1	Bùi Ngọc Anh	09/05/2010	11D2	25001306	P32
2	Đỗ Quỳnh Anh	08/11/2010	11D2	25001309	P32
3	Nguyễn Mai Anh	28/03/2010	11D2	25001313	P32
4	Vũ Thị Ngọc Ánh	16/09/2009	11D2	25001316	P32
5	Lê Thanh Chiến	16/09/2010	11D2	25001318	P32
6	Nguyễn Ngọc Diệp	27/07/2010	11D2	25001321	P32
7	Hoàng Hương Giang	29/03/2010	11D2	25001323	P32
8	Trần Thu Hà	27/10/2010	11D2	25001326	P32
9	Lê Thúy Hằng	17/05/2010	11D2	25001330	P32
10	Quách Thị Nguyệt Hằng	01/02/2010	11D2	25001333	P32
11	Phạm Thị Hân	22/05/2010	11D2	25001335	P32
12	Hà Thị Khánh Huyền	12/04/2010	11D2	25001338	P32
13	Quách Thị Khánh Huyền	29/04/2010	11D2	25001343	P32
14	Vũ Thị Thanh Huyền	12/08/2010	11D2	25001346	P32
15	Nguyễn Thị Ngọc Lan	03/08/2010	11D2	25001349	P33
16	Hoàng Tùng Lâm	04/12/2010	11D2	25001352	P33
17	Bùi Nguyễn Mai Linh	21/11/2010	11D2	25001356	P33
18	Giáp Thị Thuỳ Linh	05/09/2010	11D2	25001359	P33
19	Hoàng Khánh Linh	06/03/2010	11D2	25001361	P33
20	Nguyễn Diệu Linh	10/03/2010	11D2	25001364	P33
21	Nguyễn Thị Khánh Linh	10/04/2010	11D2	25001366	P33
22	Trần Duy Bảo Long	01/01/2009	11D2	25001371	P33
23	Hoàng Khánh Ly	27/10/2010	11D2	25001373	P33
24	Nguyễn Thị Mai	28/10/2010	11D2	25001376	P33
25	Tổng Tuệ Minh	11/09/2010	11D2	25001380	P33
26	Lương Thị Diễm My	25/01/2010	11D2	25001383	P33
27	Nguyễn Trà My	07/12/2010	11D2	25001386	P33
28	Nguyễn Anh Ngọc	13/11/2010	11D2	25001389	P33
29	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	15/12/2010	11D2	25001391	P34
30	Nguyễn Đặng Yến Nhi	04/05/2010	11D2	25001394	P34
31	Tổng Quỳnh Như	08/10/2010	11D2	25001398	P34
32	Trần Thị Tâm Như	01/01/2010	11D2	25001401	P34
33	Trần Mai Phương	23/09/2010	11D2	25001403	P34
34	Trần Thị Tâm	30/11/2010	11D2	25001406	P34
35	Hà Thị Thu Thảo	22/11/2010	11D2	25001408	P34
36	Nguyễn Thị Thảo	21/09/2010	11D2	25001413	P34
37	Phạm Nguyễn Phương Thảo	23/09/2010	11D2	25001415	P34
38	Phạm Đức Thịnh	15/06/2010	11D2	25001418	P34
39	Bùi Nguyễn Huyền Trang	07/01/2010	11D2	25001422	P34
40	Nguyễn Huyền Trang	13/12/2010	11D2	25001425	P34
41	Nguyễn Lâm Nhật Khánh Vy	08/09/2010	11D2	25001428	P34
42	Trần Hải Yến	16/05/2010	11D2	25001431	P34

DANH SÁCH HỌC SINH TRONG PHÒNG THI

TTL	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Số báo danh	Phòng thi
1	Phạm Đình An	17/02/2009	12A1	25000001	P1
2	Trần Linh An	26/08/2009	12A1	25000004	P1
3	Lê Hải Anh	18/03/2009	12A1	25000013	P1
4	Lê Phương Anh	08/01/2009	12A1	25000016	P1
5	Nguyễn Phương Anh	12/10/2009	12A1	25000025	P1
6	Nguyễn Thị Minh Anh	24/04/2009	12A1	25000028	P1
7	Phạm Thị Mai Anh	04/04/2009	12A1	25000032	P1
8	Trần Diệp Anh	30/06/2009	12A1	25000037	P1
9	Vũ Quốc Bình	16/09/2009	12A1	25000052	P2
10	Phan Thị Hà Chang	22/06/2009	12A1	25000055	P2
11	Nguyễn Việt Cường	24/09/2009	12A1	25000058	P2
12	Nguyễn Tiến Dũng	05/01/2009	12A1	25000070	P2
13	Nguyễn Tiến Dũng	25/02/2009	12A1	25000073	P2
14	Bùi Đức Duy	11/02/2009	12A1	25000077	P2
15	Nguyễn Quang Đại	24/03/2009	12A1	25000085	P2
16	Nguyễn Tiến Đạt	14/05/2009	12A1	25000089	P2
17	Nguyễn Minh Đức	20/08/2009	12A1	25000094	P3
18	Trần Minh Đức	19/09/2009	12A1	25000100	P3
19	Trần Thị Thu Hà	11/02/2009	12A1	25000103	P3
20	Doãn Tuấn Hiệp	21/11/2009	12A1	25000118	P3
21	Trần Duy Trung Hiếu	22/05/2009	12A1	25000122	P3
22	Vũ Thái Hưng	26/10/2009	12A1	25000139	P4
23	Nguyễn Đình Khải	01/06/2009	12A1	25000142	P4
24	Nguyễn Thư Kỳ	01/12/2009	12A1	25000151	P4
25	Nguyễn Thư Kiều	01/12/2009	12A1	25000158	P4
26	Nguyễn Phạm Thư Kỳ	02/04/2009	12A1	25000160	P4
27	Trần Hải Linh	01/09/2009	12A1	25000163	P4
28	Vũ Tổ Linh	13/12/2009	12A1	25000170	P4
29	Lê Trần Nguyên Long	04/01/2009	12A1	25000175	P4
30	Nguyễn Đoàn Ngọc Minh	07/12/2009	12A1	25000179	P4
31	Nguyễn Thái Minh	04/07/2009	12A1	25000181	P5
32	Đỗ Thành Nam	23/11/2009	12A1	25000187	P5
33	Nguyễn Đình Vũ Nam	14/10/2009	12A1	25000190	P5
34	Vũ Đức Nhân	29/08/2009	12A1	25000200	P5
35	Nguyễn Hương Nhi	26/12/2009	12A1	25000203	P5
36	Nguyễn Hà Phương	29/01/2009	12A1	25000215	P5
37	Trần Thu Phương	25/05/2009	12A1	25000220	P5
38	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	19/12/2009	12A1	25000222	P5
39	Trần Quốc Thịnh	12/01/2009	12A1	25000232	P6
40	Nguyễn Thị Anh Thư	05/09/2009	12A1	25000235	P6
41	Lê Thị Trang	29/05/2009	12A1	25000245	P6
42	Nguyễn Thị Hồng Trúc	22/06/2009	12A1	25000250	P6
43	Nguyễn Huy Tùng	01/02/2009	12A1	25000253	P6
44	Nguyễn Long Vĩ	23/06/2009	12A1	25000257	P6
45	Nguyễn Hải Yến	15/02/2009	12A1	25000269	P6

DANH SÁCH HỌC SINH TRONG PHÒNG THI

TTL	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Số báo danh	Phòng thi
1	Đỗ Trần Quang Anh	10/09/2009	12A2	25000007	P1
2	Hoàng Thị Hải Anh	05/09/2009	12A2	25000010	P1
3	Lưu Văn Quốc Anh	02/09/2009	12A2	25000020	P1
4	Mai Nhật Anh	26/06/2009	12A2	25000023	P1
5	Tổng Việt Anh	24/12/2009	12A2	25000035	P1
6	Trần Tuấn Anh	29/08/2009	12A2	25000040	P1
7	Bùi Đăng Gia Bảo	23/06/2009	12A2	25000046	P2
8	Phạm Thanh Bình	10/10/2009	12A2	25000049	P2
9	Nguyễn Ngọc Diệp	13/02/2009	12A2	25000061	P2
10	Nguyễn Đức Doanh	18/06/2009	12A2	25000065	P2
11	Trần Thị Kim Dung	12/10/2009	12A2	25000068	P2
12	Hoàng Khánh Duy	01/11/2009	12A2	25000080	P2
13	Bùi Tiến Đạt	07/03/2009	12A2	25000087	P2
14	Bùi Xuân Hải Đăng	19/02/2009	12A2	25000091	P3
15	Nguyễn Xuân Đức	12/09/2009	12A2	25000097	P3
16	Bùi Công Hoàng Hải	20/05/2009	12A2	25000106	P3
17	Ngô Minh Hải	20/09/2009	12A2	25000110	P3
18	Nguyễn Hoàng Hải	10/04/2009	12A2	25000113	P3
19	Đoàn Thị Minh Hiền	03/09/2009	12A2	25000115	P3
20	Hà Thị Thu Hoài	11/07/2009	12A2	25000125	P3
21	Trần Thiên Hoàng	20/04/2009	12A2	25000130	P3
22	Nguyễn Duy Hùng	24/09/2009	12A2	25000132	P3
23	Nguyễn Công Huy	10/08/2009	12A2	25000134	P3
24	Trần Gia Huy	04/07/2009	12A2	25000136	P4
25	Lê Quốc Khánh	14/08/2009	12A2	25000145	P4
26	Nguyễn Đăng An Khánh	01/10/2009	12A2	25000148	P4
27	Vũ Ngọc Kiệt	31/01/2009	12A2	25000155	P4
28	Vũ Ngọc Mai Linh	24/10/2009	12A2	25000167	P4
29	Nguyễn Bình Minh	24/11/2009	12A2	25000177	P4
30	Phạm Thị Thu Minh	31/05/2009	12A2	25000184	P5
31	Phạm Thảo Nguyên	19/09/2009	12A2	25000193	P5
32	Vũ Thảo Nguyên	25/12/2009	12A2	25000196	P5
33	Nguyễn Thị Yến Nhi	02/01/2009	12A2	25000205	P5
34	Vũ Hà Phú	22/09/2009	12A2	25000208	P5
35	Nguyễn Hồng Phúc	06/10/2009	12A2	25000212	P5
36	Nguyễn Đình Sơn	25/04/2009	12A2	25000224	P5
37	Hoàng Công Thành	22/12/2009	12A2	25000226	P6
38	Lê Viết Thiên	02/02/2009	12A2	25000229	P6
39	Phạm Anh Thư	24/09/2009	12A2	25000238	P6
40	Vũ Văn Tiến	07/11/2009	12A2	25000241	P6
41	Vũ Đài Trang	13/05/2009	12A2	25000248	P6
42	Nguyễn Duy Long Vũ	09/10/2009	12A2	25000260	P6
43	Nguyễn Minh Vũ	01/07/2009	12A2	25000265	P6
44	Nguyễn Phan Khánh Vy	15/06/2009	12A2	25000267	P6

DANH SÁCH HỌC SINH TRONG PHÒNG THI

TTL	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Số báo danh	Phòng thi
1	Hoàng Đại An	02/06/2009	12A3	25000274	P7
2	Bùi Phương Anh	18/11/2009	12A3	25000277	P7
3	Lưu Ngọc Hải Anh	07/08/2009	12A3	25000286	P7
4	Ngô Hoàng Anh	20/12/2009	12A3	25000293	P7
5	Nguyễn Lê Trâm Anh	12/10/2009	12A3	25000298	P7
6	Nguyễn Thị Vân Anh	30/04/2009	12A3	25000302	P7
7	Nguyễn Tuấn Anh	27/03/2009	12A3	25000309	P7
8	Phạm Thị Quỳnh Anh	13/11/2009	12A3	25000314	P8
9	Quách Ngọc Quang Anh	19/12/2009	12A3	25000317	P8
10	Tô Quỳnh Anh	07/06/2009	12A3	25000320	P8
11	Vũ Trần Gia Bảo	21/07/2009	12A3	25000329	P8
12	Đoàn Minh Châu	03/10/2009	12A3	25000345	P8
13	Lê Bảo Châu	22/05/2009	12A3	25000348	P8
14	Nguyễn Trần Phương Dung	01/05/2009	12A3	25000363	P9
15	Đỗ Nguyễn Tiến Dũng	02/01/2009	12A3	25000372	P9
16	Lưu Thị Thuỳ Dương	18/09/2009	12A3	25000381	P9
17	Đào Minh Đức	25/03/2009	12A3	25000399	P9
18	Nguyễn Đỗ Minh Đức	12/07/2009	12A3	25000400	P10
19	Hoàng Hương Giang	01/01/2009	12A3	25000406	P10
20	Bùi Thị Ngọc Hà	22/12/2009	12A3	25000409	P10
21	Nguyễn Việt Hà	01/01/2009	12A3	25000415	P10
22	Hoàng Kim Hồng	10/01/2009	12A3	25000427	P10
23	Phạm Ngọc Khánh	08/11/2009	12A3	25000452	P11
24	Nguyễn Đăng Khoa	06/07/2009	12A3	25000455	P11
25	Hoàng Mai Lan	31/05/2009	12A3	25000458	P11
26	Trần Hải Long	20/01/2009	12A3	25000489	P12
27	Đinh Quang Minh	24/12/2009	12A3	25000510	P12
28	Nguyễn Thị Trà My	09/12/2009	12A3	25000522	P12
29	Lê Hoài Nam	01/02/2009	12A3	25000524	P12
30	Nguyễn Đăng Nhất	19/08/2009	12A3	25000548	P13
31	Phạm Yến Nhi	07/06/2009	12A3	25000556	P13
32	Phùng Thị Yến Nhi	24/01/2009	12A3	25000560	P13
33	Bùi Gia Như	06/05/2009	12A3	25000565	P13
34	Nguyễn Ngọc Oanh	24/10/2009	12A3	25000567	P13
35	Nguyễn Công Phong	22/04/2009	12A3	25000572	P14
36	Nguyễn Đăng Phúc	29/12/2009	12A3	25000578	P14
37	Vũ Duy Quang	06/07/2009	12A3	25000584	P14
38	Tạ Minh Quân	31/07/2009	12A3	25000587	P14
39	Vũ Lê Công Tài	30/10/2009	12A3	25000596	P14
40	Nguyễn Thị Thanh Thương	28/01/2009	12A3	25000611	P14
41	Nguyễn Văn Tiến	27/06/2009	12A3	25000618	P15
42	Nguyễn Xuân Toàn	27/06/2009	12A3	25000621	P15
43	Hoàng Thị Thùy Trang	05/01/2009	12A3	25000627	P15
44	Nguyễn Quốc Triệu	11/03/2009	12A3	25000634	P15
45	Trần Đức Trung	18/01/2009	12A3	25000639	P15

DANH SÁCH HỌC SINH TRONG PHÒNG THI

TTL	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Số báo danh	Phòng thi
1	Đinh Việt Anh	06/03/2009	12A4	25000280	P7
2	Lê Đức Anh	12/07/2009	12A4	25000283	P7
3	Nguyễn Kiều Anh	06/02/2009	12A4	25000295	P7
4	Trần Ngọc Anh	12/01/2009	12A4	25000323	P8
5	Hoàng Gia Bảo	11/06/2009	12A4	25000326	P8
6	Mai Ngọc Châm	30/03/2009	12A4	25000336	P8
7	Nguyễn Thị Bảo Châm	03/05/2009	12A4	25000338	P8
8	Bùi Thị Minh Châu	21/07/2009	12A4	25000341	P8
9	Mai Hà Chi	30/03/2009	12A4	25000352	P8
10	Nguyễn Thanh Chi	29/07/2009	12A4	25000353	P8
11	Nguyễn Thị Ngọc Chinh	10/02/2009	12A4	25000356	P8
12	Nguyễn Thành Công	30/07/2009	12A4	25000360	P9
13	Trần Nguyễn Phương Dung	11/08/2009	12A4	25000366	P9
14	Trần Thùy Dung	19/01/2009	12A4	25000369	P9
15	Bùi Hạnh Duyên	12/11/2009	12A4	25000376	P9
16	Nguyễn Công Đại	23/11/2009	12A4	25000384	P9
17	Hoàng Tiến Đạt	28/11/2009	12A4	25000388	P9
18	Uông Tiến Đạt	25/12/2009	12A4	25000393	P9
19	Nguyễn Minh Đức	09/05/2009	12A4	25000403	P10
20	Đỗ Đức Hà	10/11/2009	12A4	25000412	P10
21	Hoàng Hiệp	23/11/2009	12A4	25000419	P10
22	Doãn Huy Hoàng	10/09/2009	12A4	25000422	P10
23	Đoàn Đức Huy	25/11/2008	12A4	25000434	P10
24	Nguyễn Thị Thu Huyền	18/07/2009	12A4	25000436	P10
25	Bùi Trịnh Phương Linh	25/11/2009	12A4	25000467	P11
26	Đào Thị Hà Linh	14/01/2009	12A4	25000470	P11
27	Nguyễn Diệu Linh	08/04/2009	12A4	25000477	P11
28	Nguyễn Hương Linh	20/09/2009	12A4	25000479	P11
29	Nguyễn Nhã Linh	30/01/2009	12A4	25000482	P11
30	Nguyễn Ngọc Thành Luân	22/12/2009	12A4	25000492	P12
31	Lê Thị Lý	29/01/2009	12A4	25000498	P12
32	Phạm Quỳnh Mai	26/06/2009	12A4	25000505	P12
33	Trần Trung Nghĩa	09/08/2009	12A4	25000529	P13
34	Nguyễn Bùi Thảo Ngọc	22/11/2009	12A4	25000535	P13
35	Vũ Dạ Thảo Nguyên	22/09/2009	12A4	25000541	P13
36	Phạm Long Nhật	09/10/2009	12A4	25000551	P13
37	Hoàng Hồng Nhung	16/01/2009	12A4	25000563	P13
38	Bùi Hồng Phúc	19/08/2009	12A4	25000575	P14
39	Quách Thị Quỳnh	31/05/2009	12A4	25000594	P14
40	Nguyễn Thanh Thảo	22/08/2009	12A4	25000603	P14
41	Nguyễn Thị Thanh Thảo	22/05/2009	12A4	25000606	P14
42	Vũ Thị Thảo	19/01/2009	12A4	25000608	P14
43	Đào Ngọc Thịnh	24/02/2009	12A4	25000610	P14
44	Phạm Mạnh Toàn	10/04/2009	12A4	25000624	P15
45	Nguyễn Minh Tuấn	20/11/2009	12A4	25000642	P15
46	Trần Phương Vy	18/01/2009	12A4	25000654	P15

DANH SÁCH HỌC SINH TRONG PHÒNG THI

TTL	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Số báo danh	Phòng thi
1	Bùi Đăng An	05/05/2009	12A5	25000271	P7
2	Mai Tú Anh	07/03/2009	12A5	25000290	P7
3	Nguyễn Thị Vân Anh	31/05/2009	12A5	25000305	P7
4	Nguyễn Vân Anh	01/02/2009	12A5	25000310	P7
5	Nguyễn Việt Anh	22/10/2009	12A5	25000313	P7
6	Trịnh Xuân Bình	03/03/2009	12A5	25000333	P8
7	Dương Đình Chính	02/02/2009	12A5	25000357	P9
8	Đỗ Đại Dương	27/02/2009	12A5	25000379	P9
9	Nguyễn Đăng Đức Đạt	13/06/2009	12A5	25000391	P9
10	Bùi Xuân Đình	30/08/2009	12A5	25000395	P9
11	Bùi Đăng Đoàn	20/10/2009	12A5	25000396	P9
12	Nguyễn Việt Hoàng	12/03/2009	12A5	25000424	P10
13	Quách Thị Kim Hồng	16/08/2009	12A5	25000431	P10
14	Nguyễn Đình Minh Hưng	04/11/2009	12A5	25000438	P10
15	Nguyễn Thái Hưng	28/09/2009	12A5	25000439	P10
16	Nguyễn Diệu Hương	26/06/2009	12A5	25000443	P11
17	Vương Đình Hưởng	21/07/2009	12A5	25000446	P11
18	Hà Ngọc Khánh	12/01/2009	12A5	25000449	P11
19	Nguyễn Thị Mai Lan	21/08/2009	12A5	25000462	P11
20	Bùi Khánh Linh	31/05/2009	12A5	25000465	P11
21	Lê Duy Linh	04/10/2009	12A5	25000474	P11
22	Nguyễn Ngọc Phương Linh	28/02/2009	12A5	25000481	P11
23	Phí Ngọc Bảo Long	12/11/2009	12A5	25000486	P12
24	Bùi Khánh Ly	02/09/2009	12A5	25000495	P12
25	Đoàn Thanh Mai	24/01/2009	12A5	25000501	P12
26	Bùi Duy Mạnh	23/09/2009	12A5	25000508	P12
27	Nguyễn Đỗ Quang Minh	06/04/2009	12A5	25000513	P12
28	Nguyễn Hải Minh	28/01/2009	12A5	25000517	P12
29	Nguyễn Thị Trà My	29/10/2009	12A5	25000520	P12
30	Nguyễn Bảo Nam	11/10/2009	12A5	25000525	P12
31	Hoàng Thanh Ngoan	02/11/2009	12A5	25000532	P13
32	Đoàn Lê Anh Nguyên	29/11/2009	12A5	25000538	P13
33	Huỳnh Văn Nhân	31/03/2009	12A5	25000544	P13
34	Nguyễn Yến Nhi	04/07/2009	12A5	25000553	P13
35	Trần Hưng Phát	02/09/2009	12A5	25000568	P13
36	Trần Lâm Phương	08/02/2009	12A5	25000581	P14
37	Trần Mạnh Quân	22/02/2009	12A5	25000591	P14
38	Hoàng Thị Thanh Tâm	05/04/2009	12A5	25000599	P14
39	Vũ Trần Thượng	14/10/2009	12A5	25000615	P15
40	Hoàng Thu Trang	11/01/2009	12A5	25000630	P15
41	Chu Thành Trung	27/07/2009	12A5	25000637	P15
42	Lê Văn Ước	27/04/2009	12A5	25000646	P15
43	Nguyễn Quốc Việt	10/09/2009	12A5	25000649	P15
44	Hoàng Quang Vinh	11/07/2009	12A5	25000651	P15
45	Kiều Công Quang Vinh	12/01/2009	12A5	25000653	P15

DANH SÁCH HỌC SINH TRONG PHÒNG THI

TTL	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Số báo danh	Phòng thi
1	Nguyễn Văn An	26/05/2009	12A6	25000658	P16
2	Doãn Trần Kim Anh	20/10/2009	12A6	25000661	P16
3	Đặng Tiến Anh	15/06/2009	12A6	25000664	P16
4	Hoàng Đức Anh	28/01/2009	12A6	25000667	P16
5	Lưu Thị Hoàng Anh	19/08/2009	12A6	25000670	P16
6	Nguyễn Thị Phương Anh	08/09/2009	12A6	25000685	P16
7	Nguyễn Thúy Hà Anh	26/12/2009	12A6	25000689	P16
8	Quách Việt Anh	18/04/2009	12A6	25000692	P16
9	Nguyễn Mạnh Bách	13/03/2009	12A6	25000701	P17
10	Lê Ngọc Châm	05/11/2009	12A6	25000713	P17
11	Bùi Đăng Khánh Duy	18/11/2009	12A6	25000735	P17
12	Trần Đức Duy	23/09/2009	12A6	25000740	P17
13	Vương Thị Mỹ Duyên	11/10/2009	12A6	25000741	P17
14	Lưu Anh Đạt	01/04/2009	12A6	25000760	P18
15	Mai Tiến Đạt	02/02/2009	12A6	25000764	P18
16	Nguyễn Tiến Đạt	02/01/2009	12A6	25000772	P18
17	Nguyễn Xuân Giáp	01/04/2009	12A6	25000784	P18
18	Đỗ Ngọc Hà	25/07/2009	12A6	25000789	P19
19	Nguyễn Đức Hải	03/06/2009	12A6	25000792	P19
20	Vũ Văn Hải	25/06/2009	12A6	25000801	P19
21	Nguyễn Vũ Hiếu	25/03/2009	12A6	25000811	P19
22	Trần Trung Hiếu	30/09/2009	12A6	25000813	P19
23	Nguyễn Văn Hiệu	04/10/2009	12A6	25000820	P19
24	Vũ Dương Huy	06/10/2009	12A6	25000833	P20
25	Nguyễn Việt Hưng	12/01/2009	12A6	25000842	P20
26	Vũ Thị Lành	03/04/2009	12A6	25000869	P20
27	Đào Thị Ánh Linh	11/01/2009	12A6	25000883	P21
28	Lưu Thị Thủy Linh	23/01/2009	12A6	25000886	P21
29	Nguyễn Thị Ngọc Linh	01/05/2009	12A6	25000892	P21
30	Đào Ngọc Mai	27/02/2009	12A6	25000899	P21
31	Trần Duy Minh	24/04/2009	12A6	25000911	P21
32	Ngô Bảo Ngọc	21/07/2009	12A6	25000923	P22
33	Giáp Trung Nhân	05/03/2009	12A6	25000929	P22
34	Vũ Hòa Phát	07/04/2009	12A6	25000939	P22
35	Nguyễn Thế Vương Phong	07/01/2009	12A6	25000942	P22
36	Trần Hữu Thắng	02/02/2009	12A6	25000966	P23
37	Doãn Đức Thiện	19/10/2009	12A6	25000972	P23
38	Trần Thị Biên Thùy	11/04/2009	12A6	25000982	P23
39	Lê Ngọc Tiến	27/01/2009	12A6	25000987	P23
40	Nguyễn Đoan Trang	07/03/2009	12A6	25000997	P23
41	Nguyễn Huyền Trang	04/12/2009	12A6	25000999	P23
42	Vũ Thị Trang	24/09/2009	12A6	25001006	P24
43	Vương Thuỳ Trang	24/10/2009	12A6	25001009	P24
44	Nguyễn Đình Tùng	30/08/2009	12A6	25001025	P24

DANH SÁCH HỌC SINH TRONG PHÒNG THI

TTL	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Số báo danh	Phòng thi
1	Nguyễn Đức Anh	09/03/2009	12A7	25000677	P16
2	Nguyễn Hải Anh	27/02/2009	12A7	25000680	P16
3	Trần Hải Anh	22/10/2009	12A7	25000694	P16
4	Trần Việt Anh	04/09/2009	12A7	25000696	P16
5	Nguyễn Hà Nguyệt Ánh	06/03/2009	12A7	25000697	P16
6	Dương Duy Bảo	27/05/2009	12A7	25000704	P17
7	Bùi Quốc Bình	14/04/2009	12A7	25000707	P17
8	Phí Ngọc Cương	31/08/2009	12A7	25000716	P17
9	Nguyễn Văn Cường	13/07/2009	12A7	25000723	P17
10	Quách Thùy Dung	28/04/2009	12A7	25000728	P17
11	Hoàng Bình Dương	17/05/2009	12A7	25000745	P18
12	Mai Thị Thùy Dương	10/10/2009	12A7	25000748	P18
13	Phạm Tùng Dương	11/06/2009	12A7	25000757	P18
14	Nguyễn Minh Đạt	23/11/2009	12A7	25000767	P18
15	Nguyễn Thành Đạt	26/05/2009	12A7	25000769	P18
16	Nguyễn Tiến Đạt	21/09/2009	12A7	25000776	P18
17	Hà Phi Hiếu	06/06/2009	12A7	25000808	P19
18	Đỗ Trần Mai Hoa	16/10/2009	12A7	25000823	P19
19	Đào Viết Huy	06/05/2009	12A7	25000829	P19
20	Trần Phương Huyền	09/03/2009	12A7	25000836	P20
21	Tạ Trần Tuấn Hưng	16/11/2009	12A7	25000845	P20
22	Nguyễn Phạm Ngọc Khánh	26/07/2009	12A7	25000848	P20
23	Nguyễn Ngọc Khoa	18/02/2009	12A7	25000852	P20
24	Nguyễn Tùng Lâm	24/11/2009	12A7	25000873	P20
25	Quách Văn Lâm	22/06/2009	12A7	25000877	P21
26	Nguyễn Thị Diệu Linh	26/12/2009	12A7	25000889	P21
27	Phạm Bảo Nam	14/04/2009	12A7	25000913	P21
28	Nguyễn Thị Nga	03/02/2009	12A7	25000916	P21
29	Nguyễn Kiều Ngoan	17/10/2009	12A7	25000920	P22
30	Trịnh Thị Bích Ngọc	10/04/2009	12A7	25000926	P22
31	Bùi Hải Nhi	05/07/2009	12A7	25000932	P22
32	Uông Gia Nhi	07/09/2009	12A7	25000935	P22
33	Trần Vũ Hoàng Phúc	13/12/2009	12A7	25000944	P22
34	Nguyễn Minh Phương	29/07/2009	12A7	25000947	P22
35	Nguyễn Thị Thu Phương	27/06/2009	12A7	25000951	P22
36	Trịnh Anh Quang	18/02/2009	12A7	25000954	P22
37	Đồng Đức Thiện	16/04/2009	12A7	25000975	P23
38	Lê Anh Thư	16/12/2009	12A7	25000985	P23
39	Phạm Minh Tiến	19/05/2009	12A7	25000990	P23
40	Doãn Thị Trà	15/11/2009	12A7	25000994	P23
41	Nguyễn Phương Trang	15/09/2009	12A7	25001002	P23
42	Nguyễn Tuấn Tú	15/05/2009	12A7	25001015	P24
43	Trần Hoàng Thanh Tùng	08/09/2009	12A7	25001028	P24
44	Tổng Yến Vy	04/08/2009	12A7	25001042	P24

DANH SÁCH HỌC SINH TRONG PHÒNG THI

TTL	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Số báo danh	Phòng thi
1	Nguyễn Đăng Đức Anh	14/10/2009	12A8	25000673	P16
2	Nguyễn Phan Anh	07/02/2009	12A8	25000682	P16
3	Đỗ Huy Cẩm	29/01/2009	12A8	25000710	P17
4	Đặng Nhật Cường	30/12/2009	12A8	25000720	P17
5	Trần Đức Cường	01/01/2009	12A8	25000725	P17
6	Vũ Công Dũng	06/03/2009	12A8	25000732	P17
7	Trần Đức Duy	09/04/2009	12A8	25000737	P17
8	Mai Thùy Dương	24/11/2009	12A8	25000751	P18
9	Nguyễn Ánh Dương	07/09/2009	12A8	25000754	P18
10	Nguyễn Trần Anh Đức	18/06/2009	12A8	25000779	P18
11	Phạm Trần Minh Đức	14/11/2009	12A8	25000781	P18
12	Nguyễn Duy Giới	30/07/2009	12A8	25000785	P18
13	Nguyễn Thị Thu Hải	21/02/2009	12A8	25000795	P19
14	Trần Nam Hải	07/08/2009	12A8	25000798	P19
15	Nguyễn Thị Thu Hằng	15/02/2009	12A8	25000804	P19
16	Vũ Công Hiếu	11/10/2009	12A8	25000816	P19
17	Phạm Thị Thu Hoài	28/09/2009	12A8	25000825	P19
18	Nguyễn Huy Hoàng	09/05/2009	12A8	25000828	P19
19	Nguyễn Tuấn Hưng	28/08/2009	12A8	25000839	P20
20	Phạm Anh Khôi	10/08/2009	12A8	25000855	P20
21	Lê Thị Khuyên	15/01/2009	12A8	25000857	P20
22	Hà Chí Kiên	21/02/2009	12A8	25000860	P20
23	Đặng Tuấn Kiệt	29/01/2009	12A8	25000864	P20
24	Phạm Anh Kiệt	17/11/2009	12A8	25000867	P20
25	Đỗ Trọng Tường Lâm	10/10/2009	12A8	25000872	P20
26	Trần Ngọc Lâm	24/06/2009	12A8	25000880	P21
27	Đỗ Thành Long	30/08/2009	12A8	25000896	P21
28	Nguyễn Thị Tuyết Mai	25/02/2009	12A8	25000901	P21
29	Nguyễn Viết Mạnh	21/12/2009	12A8	25000904	P21
30	Phạm Tuấn Minh	09/12/2009	12A8	25000908	P21
31	Doãn Trọng Quý	04/09/2009	12A8	25000956	P22
32	Nguyễn Đăng San	22/02/2009	12A8	25000959	P22
33	Trần Quang Thành Sơn	11/08/2009	12A8	25000963	P23
34	Nguyễn Đăng Thắng	29/07/2009	12A8	25000969	P23
35	Nguyễn Thị Hương Thom	03/02/2009	12A8	25000978	P23
36	Ngô Quang Trự	08/06/2008	12A8	25001012	P24
37	Nguyễn Ngọc Tuấn	18/05/2009	12A8	25001018	P24
38	Nguyễn Đình Tùng	04/01/2009	12A8	25001021	P24
39	Đỗ Thị Ngọc Vân	23/03/2009	12A8	25001030	P24
40	Trần Thị Thanh Vân	25/08/2009	12A8	25001033	P24
41	Đào Thị Hồng Vĩ	22/08/2009	12A8	25001037	P24
42	Bùi Đăng Quang Vinh	21/11/2009	12A8	25001040	P24
43	Mai Hoàng Yên	03/02/2009	12A8	25001045	P24

DANH SÁCH HỌC SINH TRONG PHÒNG THI

TTL	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Số báo danh	Phòng thi
1	Bùi Ngọc Anh	04/11/2009	12D1	25001177	P29
2	Bùi Thị Hải Anh	23/09/2009	12D1	25001180	P29
3	Nguyễn Hiền Anh	21/02/2009	12D1	25001183	P29
4	Nguyễn Thị Ngọc Anh	19/10/2009	12D1	25001186	P29
5	Vũ Thị Hồng Ánh	15/08/2009	12D1	25001189	P29
6	Vũ Thị Ngọc Ánh	02/01/2009	12D1	25001192	P29
7	Phạm Xuyên Chi	12/04/2009	12D1	25001196	P29
8	Nguyễn Thành Doanh	17/07/2009	12D1	25001199	P29
9	Bùi Linh Dương	06/04/2009	12D1	25001201	P29
10	Vũ Thị Thuỳ Dương	24/04/2009	12D1	25001204	P29
11	Bùi Tiến Đạt	26/12/2009	12D1	25001208	P29
12	Hoàng Hương Giang	01/01/2009	12D1	25001211	P29
13	Phạm Văn Giáp	18/02/2009	12D1	25001213	P29
14	Phan Thị Kim Huệ	09/09/2009	12D1	25001216	P29
15	Phạm Thị Mỹ Huyền	09/04/2009	12D1	25001220	P30
16	Lê Trúc Lan	13/03/2009	12D1	25001223	P30
17	Cao Trúc Linh	02/06/2009	12D1	25001226	P30
18	Lê Trúc Linh	13/03/2009	12D1	25001229	P30
19	Trần Thị Diệu Linh	06/06/2009	12D1	25001232	P30
20	Trần Thị Khánh Linh	19/09/2009	12D1	25001235	P30
21	Vũ Thuỳ Linh	23/06/2009	12D1	25001239	P30
22	Mai Thảo Ly	08/09/2009	12D1	25001242	P30
23	Nguyễn Thị Phương Mai	13/01/2009	12D1	25001244	P30
24	Trần Ngọc Mai	17/03/2009	12D1	25001247	P30
25	Bùi Tuấn Minh	08/02/2009	12D1	25001251	P30
26	Phạm Văn Minh	14/11/2008	12D1	25001254	P30
27	Lê Thị Thanh Mơ	27/04/2009	12D1	25001256	P30
28	Phạm Thị Kim Ngân	07/04/2009	12D1	25001259	P30
29	Cao Phạm Bảo Ngọc	23/07/2009	12D1	25001265	P31
30	Phạm Thị Ngọc	01/12/2009	12D1	25001268	P31
31	Nguyễn Thảo Nguyên	14/10/2009	12D1	25001270	P31
32	Trần Thảo Nguyên	01/08/2009	12D1	25001273	P31
33	Lương Thảo Nhi	15/04/2009	12D1	25001277	P31
34	Vũ Hà Nhung	21/09/2009	12D1	25001280	P31
35	Hoàng Thương Thảo	25/11/2009	12D1	25001283	P31
36	Phan Quỳnh Thư	24/09/2009	12D1	25001285	P31
37	Lê Công Tĩnh	17/06/2009	12D1	25001289	P31
38	Nguyễn Phương Uyên	20/10/2009	12D1	25001292	P31
39	Nguyễn Hà Vy	18/04/2009	12D1	25001294	P31
40	Nguyễn Thị Tường Vy	24/10/2009	12D1	25001297	P31
41	Vũ Thị Hải Yến	20/10/2009	12D1	25001300	P31

DANH SÁCH HỌC SINH TRONG PHÒNG THI

TTL	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Số báo danh	Phòng thi
1	Bùi Phương Anh	20/02/2009	12D2	25001305	P32
2	Nguyễn Diệu Anh	29/03/2009	12D2	25001308	P32
3	Nguyễn Hà Anh	05/09/2009	12D2	25001311	P32
4	Nguyễn Hải Anh	29/07/2009	12D2	25001314	P32
5	Nguyễn Khắc Tuấn Anh	05/07/2009	12D2	25001317	P32
6	Nguyễn Phương Anh	23/03/2009	12D2	25001320	P32
7	Nguyễn Phương Anh	17/04/2009	12D2	25001324	P32
8	Nguyễn Thị Lan Anh	06/11/2009	12D2	25001327	P32
9	Phạm Thị Quỳnh Anh	26/01/2009	12D2	25001329	P32
10	Phạm Thị Quỳnh Anh	28/01/2009	12D2	25001332	P32
11	Trần Hà Anh	19/07/2009	12D2	25001336	P32
12	Trần Nguyên Cương	30/01/2009	12D2	25001339	P32
13	Hoàng Hồng Diệp	03/12/2009	12D2	25001341	P32
14	Nguyễn Duy Hải	29/08/2009	12D2	25001344	P32
15	Nguyễn Vũ Hải	15/03/2009	12D2	25001350	P33
16	Phạm Đức Hân	27/11/2009	12D2	25001353	P33
17	Vũ Thị Thu Hiền	26/10/2009	12D2	25001355	P33
18	Phạm Thị Ngọc Hoa	11/12/2009	12D2	25001358	P33
19	Quách Văn Hoảng	13/07/2009	12D2	25001362	P33
20	Trần Hữu Huy	15/09/2009	12D2	25001365	P33
21	Doãn Thanh Huyền	01/02/2009	12D2	25001368	P33
22	Quách Thành Hưng	05/01/2009	12D2	25001370	P33
23	Trần Ngọc Khánh	01/01/2009	12D2	25001374	P33
24	Nguyễn Thùy Linh	01/11/2009	12D2	25001377	P33
25	Nguyễn Hoàng Long	31/08/2009	12D2	25001379	P33
26	Nguyễn Thu Ngân	05/10/2009	12D2	25001382	P33
27	Phan Khánh Ngọc	08/04/2009	12D2	25001385	P33
28	Nguyễn Thị Mai Phương	12/09/2009	12D2	25001388	P33
29	Vũ Quốc Thái	14/08/2009	12D2	25001392	P34
30	Lương Thị Kiều Thanh	20/05/2009	12D2	25001395	P34
31	Nguyễn Thị Thu Thủy	25/03/2009	12D2	25001397	P34
32	Phí Thị Anh Thư	08/11/2009	12D2	25001400	P34
33	Hoàng Toàn Tiến	17/05/2009	12D2	25001404	P34
34	Trần Thị Mai Trang	30/11/2009	12D2	25001407	P34
35	Phạm Thị Trúc	05/03/2009	12D2	25001410	P34
36	Nguyễn Bá Trường	05/10/2009	12D2	25001412	P34
37	Lê Hà Vy	10/10/2009	12D2	25001416	P34
38	Trương Đình Tuyết Vy	12/02/2009	12D2	25001419	P34
39	Phan Thị Thanh Xuân	17/07/2009	12D2	25001421	P34
40	Vũ Thị Thanh Xuân	14/02/2009	12D2	25001424	P34
41	Doãn Trần Hải Yến	09/03/2009	12D2	25001427	P34
42	Lê Thị Hải Yến	26/10/2009	12D2	25001430	P34

DANH SÁCH HỌC SINH TRONG PHÒNG THI

TTL	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Số báo danh	Phòng thi
1	Bùi Hải Anh	08/02/2009	12D3	25001049	P26
2	Lưu Hải Anh	21/03/2009	12D3	25001052	P26
3	Nguyễn Thị Lan Anh	20/11/2009	12D3	25001055	P26
4	Nguyễn Thị Ánh	01/01/2009	12D3	25001058	P26
5	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	20/05/2009	12D3	25001061	P26
6	Trần Thị Ngọc Ánh	31/08/2009	12D3	25001064	P26
7	Lưu Mạnh Cường	10/08/2009	12D3	25001068	P26
8	Quách Xuân Diện	07/11/2009	12D3	25001071	P26
9	Trần Hoàng Doanh	27/11/2009	12D3	25001073	P26
10	Phạm Đình Đức Duy	26/04/2009	12D3	25001076	P26
11	Lưu Đình Dương	09/02/2009	12D3	25001080	P26
12	Nguyễn Tiến Đạt	04/06/2009	12D3	25001083	P26
13	Phạm Thành Đô	14/07/2009	12D3	25001085	P26
14	Đào Tiến Đức	26/06/2009	12D3	25001088	P26
15	Nguyễn Hương Giang	13/03/2009	12D3	25001092	P27
16	Tổng Thanh Hiền	01/10/2009	12D3	25001095	P27
17	Vương Thu Huyền	29/01/2009	12D3	25001098	P27
18	Nguyễn Trung Kiên	10/07/2009	12D3	25001101	P27
19	Hoàng Thị Thuỷ Linh	25/11/2009	12D3	25001104	P27
20	Phạm Khánh Linh	07/12/2009	12D3	25001107	P27
21	Trần Phương Linh	10/03/2009	12D3	25001111	P27
22	Hà Văn Lộc	06/04/2009	12D3	25001114	P27
23	Bùi Đức Mạnh	29/06/2009	12D3	25001116	P27
24	Bùi Bảo Minh	23/12/2008	12D3	25001119	P27
25	Bùi Thị Thảo My	23/08/2009	12D3	25001123	P27
26	Hà Thị Trà My	15/03/2009	12D3	25001126	P27
27	Phạm Thanh Nga	06/02/2009	12D3	25001128	P27
28	Phạm Thị Nga	15/06/2009	12D3	25001131	P27
29	Phạm Bảo Ngọc	18/06/2009	12D3	25001137	P28
30	Hoàng Tuấn Phát	22/06/2009	12D3	25001140	P28
31	Lê Thị Mai Phương	18/10/2009	12D3	25001142	P28
32	Trần Phương Thùy	08/02/2009	12D3	25001145	P28
33	Nghiêm Thị Thu Thủy	04/12/2009	12D3	25001149	P28
34	Trần Thị Thủy	07/09/2009	12D3	25001152	P28
35	Trần Thị Hồng Thương	14/12/2009	12D3	25001155	P28
36	Phạm Thanh Trường	28/03/2009	12D3	25001157	P28
37	Phạm Minh Tuấn	06/11/2009	12D3	25001161	P28
38	Nguyễn Chí Tùng	26/03/2009	12D3	25001164	P28
39	Nguyễn Ngọc Tường	26/03/2009	12D3	25001166	P28
40	Lê Tấn Vinh	25/10/2009	12D3	25001169	P28
41	Phạm Long Vũ	05/04/2009	12D3	25001172	P28
42	Lê Quang Xuân	31/03/2009	12D3	25001175	P28